



NGÂN HÀNG NAM Á

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 23 *Ngày 17 tháng 04 năm 2015*

STT	Nội dung tài liệu	Trang
01	Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2014 và kế hoạch kinh doanh năm 2015	01 - 12
02	Báo cáo kết quả quản trị hoạt động Ngân hàng năm 2014 và định hướng công tác quản trị năm 2015 của Hội đồng quản trị	13 - 17
03	Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc đánh giá hiệu quả làm việc của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2014	18 - 19
04	Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các Ủy ban của Hội đồng quản trị trong năm 2014 (Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro)	20 - 21
05	Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Ngân hàng TMCP Nam Á	22 - 26
06	Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập năm 2014	27 - 28
07	Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2014	29 - 30
08	Báo cáo tiến độ tăng vốn điều lệ năm 2014	31
09	Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ năm 2015	32

STT	Nội dung tài liệu	Trang
10	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á	33 - 34
11	Tờ trình về việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp	35 - 36
12	Phương án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và cơ sở vật chất mạng lưới năm 2015	37 - 38
13	Tờ trình về việc mở rộng mạng lưới năm 2015	39 - 40
14	Tờ trình về ngân sách hoạt động và Thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2015	41
15	Tờ trình về việc thực hiện niêm yết chứng khoán	42
16	Tờ trình về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Nam Á	43
17	Tờ trình về số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016)	44 - 45
18	Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VI (2011-2016)	46
19	Tờ trình giới thiệu nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VI (2011-2016)	47 - 49

STT	Nội dung tài liệu đính kèm	Trang
01	Bản giải trình về các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á	01 - 10
02	Dự thảo Bản “ ĐIỀU LỆ ” của Ngân hàng TMCP Nam Á	01 - 65



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 196/2015/BC-NHNA-03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014
KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015

PHẦN 1 : BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2014

1. Tình hình kinh tế xã hội:

Nhìn chung, nền kinh tế vĩ mô nước ta năm 2014 tương đối ổn định với các kết quả đáng ghi nhận. GDP vượt mức kế hoạch đề ra, tăng 5,98% so với 2013; CPI được kiểm soát và duy trì ở mức thấp, tăng 4,09% so cùng kỳ năm 2013; tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng vẫn duy trì ở 21.246 VND/USD; giá vàng trong nước thu hẹp dần so với thế giới, giao dịch ở mức 35,06 triệu đồng/lượng vào ngày 31/12¹.

Chỉ số VN INDEX 31/12/2014 là 545,63 điểm tăng 41,0 điểm so đầu năm; Chỉ số HNX INDEX 31/12/2014 là 82,98 điểm tăng 15,14 điểm so đầu năm².

Về cán cân thương mại: Đến 15/12 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 142,68 tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt gần 140,29 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2013, như vậy cán cân thương mại đến 15/12 đã thặng dư gần 2,39 tỷ USD³.

2. Tình hình hoạt động ngành ngân hàng⁴:

Dù được dự báo là một năm đầy khó khăn, thách thức của hoạt động ngành ngân hàng, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý có liên quan và với sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, công nhân viên chức, nhìn chung ngành Ngân hàng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm qua.

Trong năm 2014, tổng phương tiện thanh toán ngân hàng tăng 15,99%, phù hợp với định hướng 14%– 16% đề ra từ đầu năm; thanh khoản ngân hàng luôn được đảm bảo và dư thừa; lãi suất liên ngân hàng ổn định, duy trì ở mức thấp (dao động từ 2,79% –

¹Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

²Nguồn: Sở giao dịch chứng khoán (HOSE, HNX).

³Nguồn: Tổng cục Hải quan.

⁴Nguồn: Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế xã hội năm 2014_ Tổng cục thống kê.

7,62% ở các kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng) và có xu hướng giảm, phù hợp với các cân đối kinh tế vĩ mô.

Tăng trưởng tín dụng năm 2014 toàn hệ thống tăng 12,62% so cuối năm 2013, đảm bảo đúng chỉ tiêu định hướng đề ra từ đầu năm tăng từ 12-14%. Về huy động: đến cuối năm huy động vốn toàn ngành tăng 15,76%, trong đó huy động vốn bằng VND tăng khá cao. Cơ cấu tín dụng tại các tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ.

❖ **Diễn biến lãi suất và tỷ giá như sau⁵:**

- **Lãi suất huy động:** Lãi suất huy động VND: mặt bằng chung giảm 1,5 – 2% so với đầu năm. Một số mức lãi suất huy động bằng VND phổ biến như: 5-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,7-6,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng. Lãi suất huy động USD: phổ biến ở mức 0,75%/năm đối với tiền gửi của cá nhân; mức 0,25%/năm đối với tiền gửi của tổ chức.
- **Lãi suất cho vay:** Lãi suất cho vay bằng VND: nhìn chung lãi suất cho vay VND cũng đã giảm 2% so với đầu năm. Lãi suất cho vay USD: phổ biến ở mức 3-7%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3-6%/năm, 5,5-7%/năm đối với trung và dài hạn.
- **Tỷ giá và thị trường ngoại hối:** Về cơ bản ổn định, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân đều được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, niềm tin vào VND được củng cố; NHNN tiếp tục gia tăng bổ sung dự trữ ngoại hối lên mức cao nhằm đảm bảo giá trị tiền đồng và ổn định kinh tế vĩ mô.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên lần thứ 22 thông qua định hướng hoạt động năm 2014, Ngân hàng Nam Á kính báo cáo các chỉ tiêu kinh doanh sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh:

Dvt: tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	TH 31/12/2013	TH 31/12/2014	So đầu năm		So KH (%)
					+/-	%	
1	Tổng tài sản	35.000	28.782	37.293	8.511	30%	107%
2	Huy động từ cá nhân và tổ chức kinh tế	18.000	13.679	20.319	6.640	49%	113%
3	Dư nợ cho vay cá nhân và tổ chức kinh tế	14.600	11.570	16.629	5.059	44%	114%
4	Lợi nhuận trước thuế						
	• Riêng lẻ	195	170	232			119%
	• Hợp nhất	210	183	242			115%
5	Tỷ lệ nợ nhóm 2	≤2,5%	0,35%	1,87%	1,51 điểm %		Đạt
6	Tỷ lệ nợ xấu	≤2,5%	1,48%	1,40%	-0,08 điểm%		Đạt

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tính đến 31/12/2014:

⁵ Nguồn: Thông tin hoạt động ngân hàng trong tuần _ Ngân hàng Nhà nước.

2.1 Tổng tài sản:

Tổng tài sản đạt 37.293 tỷ đồng tương ứng thực hiện 107% kế hoạch năm. Trong đó: tài sản có sinh lời chiếm tỷ trọng 92%, đạt 34.477 tỷ; tài sản không sinh lời⁶ chiếm 8%, đạt 2.816 tỷ.

2.2 Huy động vốn:

Tổng nguồn vốn huy động là 33.481 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 90% tổng tài sản. Trong đó: tiền gửi và vay từ các TCTD là 13.162 tỷ, chiếm 39% tổng huy động; huy động từ cá nhân và tổ chức kinh tế (CN&TCKT) đạt 20.319 tỷ đồng chiếm 61% tổng huy động, đạt 113% kế hoạch năm 2014.

Về cơ cấu huy động từ CN&TCKT như sau:

- ✓ Theo loại tiền: chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu huy động là VNĐ (96%) đạt 19.473 tỷ; 4% còn lại là USD, EUR và các ngoại tệ khác quy VNĐ là 846 tỷ.
- ✓ Theo khách hàng: huy động từ khách hàng cá nhân đạt 11.440 tỷ chiếm tỷ trọng 56%; huy động từ khách hàng doanh nghiệp đạt 8.879 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 44%.
- ✓ Theo loại hình tiền gửi: tiền gửi có kỳ hạn đạt 18.615 tỷ, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nguồn vốn huy động từ CN&TCKT (92%); tiền gửi không kỳ hạn là 1.518 tỷ (chiếm tỷ trọng 8%). Một phần nhỏ khác là tiền ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng đạt 186 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 1%).

2.3 Dư nợ cho vay:

Cho vay khách hàng CN&TCKT đạt 16.629 tỷ đồng, chiếm 45% tổng tài sản, đạt 114% kế hoạch năm. Cơ cấu cho vay như sau:

- Theo loại tiền: cho vay bằng VND đạt 16.418 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng chủ yếu với tỷ lệ 99%; cho vay bằng USD, Vàng lần lượt là 190 tỷ và 22 tỷ, chiếm tỷ trọng 1%
- Theo đối tượng khách hàng: dư nợ khách hàng cá nhân đạt 3.675 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 22%, dư nợ khách hàng doanh nghiệp đạt 12.955 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 78%.
- Theo kỳ hạn: cho vay ngắn hạn đạt 8.671 tỷ đồng (52% dư nợ cho vay) và cho vay trung dài hạn đạt 7.958 tỷ đồng (48% dư nợ cho vay).
- Theo lĩnh vực cho vay: cho vay vốn sản xuất kinh doanh, kinh doanh dịch vụ, đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh chiếm tỷ trọng 58%, đạt 9.705 tỷ đồng; cho vay đầu tư dự án, xây dựng cơ bản và liên quan đến bất động sản chiếm 33%, đạt 5.434 tỷ đồng; cho vay tiêu dùng chiếm 9% đạt 1.490 tỷ đồng.

2.4 Kết quả kinh doanh

TT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2013	Năm 2014	+/- so 2013	+/- % so 2013
1	Tổng thu nhập thuần	676	783	107	16%
	Thu nhập lãi thuần	404	682	278	69%
	Lãi/lỗ thuần hoạt động dịch vụ	28	42	14	50%

⁶ Tài sản không sinh lời bao gồm: Tiền tồn quỹ, Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tài sản cố định, Tài sản có khác.

	Lãi/lỗ thuần kinh doanh ngoại hối	-4	8	12	300%
	Lãi/lỗ thuần mua bán chứng khoán kinh doanh	1	0	-1	-100%
	Lãi/lỗ thuần mua bán chứng khoán đầu tư	110	3	-107	-97%
	Lãi/lỗ thuần hoạt động khác	98	15	-83	-85%
	Thu góp vốn, mua cổ phần	40	33	-7	-18%
2	Tổng chi phí hoạt động & DPRR	493	541	48	10%
-	<i>Chi hoạt động</i>	<i>416</i>	<i>463</i>	<i>47</i>	<i>11%</i>
-	<i>Chi DPRR</i>	<i>77</i>	<i>78</i>	<i>1</i>	<i>1%</i>
	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	183	242	59	32%

- Về thu nhập thuần:

Tổng thu nhập thuần năm 2014 là 783 tỷ đồng, tăng 16% so cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng 107 tỷ đồng. Trong đó, khoản thu nhập thuần từ lãi đạt 682 tỷ đồng tăng 69% so cùng kỳ và thu thuần từ dịch vụ đạt 42 tỷ đồng tăng 50% so cùng kỳ. Hoạt động từ kinh doanh ngoại hối cũng có lợi nhuận so năm trước. Riêng lợi nhuận từ các nghiệp vụ đầu tư chứng khoán giảm so cùng kỳ.

- Về chi phí hoạt động và DPRR:

Tổng chi phí hoạt động và DPRR là 541 tỷ đồng, so cùng kỳ tăng 10%, tương ứng tăng 48 tỷ đồng. Trong đó chi hoạt động tăng 47 tỷ (+11%) và chi DPRR tăng 1 tỷ (+1%).

- Lợi nhuận trước thuế:

Với tốc độ tăng trưởng thu nhập là 16% cao hơn so tốc độ tăng chi phí hoạt động là 10%, nên đã tạo ra tốc độ tăng của lợi nhuận là 32%, đạt 242 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, bằng 115% kế hoạch năm.

2.5 Chất lượng tín dụng:

Năm 2014, Ngân hàng Nam Á đã thực hiện tốt công tác ngăn chặn và xử lý nợ quá hạn, nợ xấu. Tính đến 31/12/2014, nợ nhóm 2 của Ngân hàng Nam Á là 311 tỷ đồng (chiếm 1,87% tổng dư nợ), và nợ xấu là 233 tỷ đồng (chiếm 1,4% tổng dư nợ).

Thu hồi quá hạn, nợ xấu và lãi:

- Doanh số thu nợ xấu lũy kế năm 2014 là 98,3 tỷ đồng.
- Doanh số thu lãi lũy kế năm 2014 là 16,9 tỷ đồng.

Bán nợ: Ngân hàng Nam Á đã thực hiện bán nợ cho VAMC là 185 tỷ đồng.

2.6 Các hoạt động kinh doanh khác:

- Về hoạt động đầu tư tài chính và kinh doanh vàng, ngoại tệ:

Trong năm 2014, do ảnh hưởng từ tình hình kinh tế chưa khởi sắc, Ngân hàng đã thu hẹp hoạt động đầu tư tài chính và kinh doanh vàng, ngoại tệ; cụ thể, số dư hoạt động đầu tư tài chính đến ngày 31/12/2014 đạt 3.147 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh vàng, ngoại tệ cũng mang về thu nhập thuần cho ngân hàng là 8,4 tỷ đồng, chủ yếu phục vụ khách hàng giao dịch, đáp ứng yêu cầu thanh toán (trong đó kinh doanh ngoại tệ lãi 5,3 tỷ, kinh doanh vàng lãi 3,1 tỷ).

- **Về hoạt động dịch vụ, thanh toán quốc tế và thẻ:**

Hoạt động dịch vụ và thanh toán quốc tế đã được triển khai và mở rộng một số chính sách phù hợp nhu cầu khách hàng, cụ thể doanh số thanh toán quốc tế đạt 49,4 triệu USD, thực hiện 99% kế hoạch năm.

Tổng số thẻ lưu hành đến 31/12/2014 là 49.696 thẻ (trong đó số lượng thẻ Credit, Debit và thẻ Prepaid lần lượt là 3.810, 37.074 và 8.812 thẻ). Dư nợ thẻ đạt 73,7 tỷ đồng; thu lãi cho vay tín dụng từ hoạt động thẻ đạt 8,8 tỷ; nợ quá hạn thẻ 391 triệu đồng (chiếm 0,53% dư nợ thẻ).

2.7 Tình hình thực hiện tái cơ cấu theo văn bản số 181/NHNN-TTGSNH.m về triển khai cơ cấu lại Ngân hàng thương mại cổ phần:

Được Ngân hàng Nhà nước cho phép tự tái cơ cấu theo văn bản số 5974/NHNN-TTGSNH ngày 21/08/2013. Trong năm 2014, Ngân hàng Nam Á đã thực hiện các giải pháp tái cơ cấu sau:

- Nâng cao năng lực tài chính: Ngân hàng Nam Á đã thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng và đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản số 63/NHNN-TTGSNH ngày 06/01/2015; nâng cao chất lượng tài sản, tỷ lệ tài sản có sinh lời chiếm tỷ trọng 92%; kiểm soát nợ xấu ở mức dưới 3%;
- Nâng cao năng lực hoạt động: đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng, phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại bên cạnh các hoạt động kinh doanh truyền thống; tăng trưởng tín dụng bền vững phù hợp với quy mô, cơ cấu nguồn vốn; mở rộng mạng lưới hoạt động với 6 điểm giao dịch được khai trương mới trong năm; đa dạng và nâng cao chất lượng của các sản phẩm dịch vụ phù hợp với từng đối tượng khách hàng.
- Cơ cấu lại hệ thống quản trị: Ngân hàng Nam Á luôn tuân thủ đúng quy định về sở hữu chéo, góp vốn, mua cổ phần; minh bạch thông tin trong hoạt động ngân hàng; bên cạnh đó, nâng cao năng lực quản trị điều hành được Ngân hàng chú trọng, thông qua việc kiện toàn bộ máy nhân sự để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, bổ sung các vị trí cán bộ quản lý còn đang thiếu; theo dõi, giám sát công tác quản trị tại các đơn vị kinh doanh để điều chỉnh kịp thời.

2.8 Tình hình chấp hành các quy định về giới hạn, hạn chế cấp tín dụng:

Trong năm 2014, Ngân hàng Nam Á đã thực hiện cấp tín dụng theo đúng quy định của pháp luật và các Quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay để đảm bảo việc sử dụng vốn vay đúng mục đích.

Tính đến 31/12/2014, Ngân hàng Nam Á không phát sinh các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG YẾU THỰC HIỆN TRONG NĂM 2014:

1. Công tác phát triển mạng lưới:

Trong năm 2014, Ngân hàng Nam Á đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận mở mới 07 điểm giao dịch. Tính đến 31/12/2014, Ngân hàng Nam Á đã khai trương và đưa vào hoạt động 04 chi nhánh (Lâm Đồng, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bến Tre) và 02 phòng giao dịch (Sơn Trà, Bình Long), nâng tổng số điểm giao dịch lên 59 điểm trên toàn hệ thống, hiện diện trên 11/64 tỉnh thành trên cả nước. Riêng Chi Nhánh Ninh Thuận đã được khai trương hoạt động vào tháng 01/2015.

Song song với việc khai trương các điểm giao dịch mới, được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, trong năm 2014 Ngân hàng Nam Á đã tìm kiếm mặt bằng kinh doanh tốt, vị trí thuận lợi hơn, phù hợp với hoạt động Ngân hàng cho tổng cộng 8 điểm giao dịch, gồm: 02 Chi nhánh và 06 Phòng giao dịch. Ngân hàng Nam Á cũng chú trọng phát triển thương hiệu nhằm xây dựng hình ảnh Ngân hàng Nam Á chuyên nghiệp, thống nhất chuẩn nhận diện thương hiệu trên toàn hệ thống và đã triển khai tại 14 điểm giao dịch trên cả nước.

2. Thúc đẩy kinh doanh và phát triển thương hiệu:

• Công tác thúc đẩy kinh doanh:

Hoạt động thúc đẩy bán hàng đang từng bước chuyên nghiệp hóa và cũng đạt được những kết quả khả quan thông qua nhiều chương trình được xây dựng có trọng tâm, phân khúc khách hàng, nổi bật với các chương trình Đồng hành cùng doanh nghiệp Xuất Nhập Khẩu, chương trình Gói ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng Doanh nghiệp vay mới..... Ngoài ra các chương trình thúc đẩy bán hàng nội bộ như Best Seller, Đường đua xanh, Huy động tốt- Thu nhập cao... đã mang lại hiệu quả tích cực cho hoạt động của ngân hàng trong năm qua.

Đồng thời thực hiện mục tiêu gia tăng hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị và hiệu suất bán hàng cho đội ngũ kinh doanh, trong năm Ngân hàng Nam Á đã thành lập bộ phận thúc đẩy bán hàng (SSP) thuộc Trung tâm dịch vụ khách hàng, đây là bước chuẩn bị tích cực để phát triển sản phẩm dịch vụ và phục vụ khách hàng tốt hơn.

• Công tác phát triển sản phẩm dịch vụ:

Cùng với các chương trình về thúc đẩy bán hàng, trong năm 2014, Ngân hàng Nam Á cũng đẩy mạnh triển khai đa dạng các sản phẩm mới về tín dụng và huy động bên cạnh các sản phẩm hiện hữu truyền thống, góp phần gia tăng hiệu quả cho công tác bán hàng như:

- + Sản phẩm vay linh hoạt, vay siêu tốc, vay tín chấp.... cho khách hàng cá nhân; Vay tái tài trợ, vay VNĐ lãi suất USD, vay tài trợ kinh doanh xăng dầu.... cho các khách hàng doanh nghiệp
- + Các sản phẩm mới về huy động cho khách hàng cá nhân như: Tiền gửi rút vốn linh hoạt, tiết kiệm Hưng Thịnh, tiết kiệm trực tuyến...;

• Phát triển thương hiệu:

Công tác quảng bá thương hiệu đã được triển khai thông qua nhiều phương tiện truyền thông đại chúng, khai trương các điểm giao dịch mới của ngân hàng trong

năm... Bên cạnh đó, công tác phát triển thương hiệu được đẩy mạnh thông qua các hình thức quảng bá giới thiệu sản phẩm mới của Ngân hàng Nam Á với khách hàng.

Ngân hàng Nam Á đã nhận được nhiều giải thưởng trong nước có giá trị như giải thưởng Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững; Doanh nghiệp sao vàng; Top 100 Doanh nhân Tp.HCM tiêu biểu năm 2014.....

3. Công tác quản lý rủi ro:

Công tác quản lý rủi ro toàn ngân hàng trong năm thực hiện tốt, thường xuyên kiểm tra kiểm soát thực tế, song song giám sát từ xa các mặt nghiệp vụ của đơn vị kinh doanh nhằm sớm phát hiện và đưa ra cảnh báo về các giao dịch, các nghiệp vụ có nguy cơ gây rủi ro cho hoạt động của ngân hàng.

Trong năm Ngân hàng Nam Á đã tổ chức 41 đợt kiểm tra các mặt nghiệp vụ tại 36 đơn vị kinh doanh, tổ chức các đợt kiểm tra đột xuất kho quỹ tại các đơn vị, đồng thời có những cảnh báo rủi ro trong hoạt động và có các biện pháp khắc phục cho các đơn vị. Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo cho Trưởng đơn vị, kiểm soát viên, chuyên viên về các sai sót trong hoạt động nghiệp vụ nhằm phòng ngừa và hạn chế tối đa các sai sót xảy ra, cũng như nắm bắt kịp thời các quy định về các nghiệp vụ của ngân hàng.

4. Hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng:

Xác định rõ công nghệ ngân hàng là một trong những yếu tố nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo lợi thế cạnh tranh. Trong năm qua, song song việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Nam Á đã tập trung nguồn lực cho công nghệ ngân hàng, tiếp tục nâng cao vai trò CNTT đảm bảo sự phát triển lớn mạnh của ngân hàng.

Nhiều ứng dụng công nghệ thông tin đã được phát triển vào sản phẩm dịch vụ ngân hàng như Tiết kiệm online; Sản phẩm thấu chi.... Ngân hàng Nam Á cũng đã phát triển các ứng dụng liên kết giao dịch cho khách hàng với các đối tác cung ứng dịch vụ thương mại điện tử như Payoo, Viettel, VNPAY, VTC...

Ngân hàng Nam Á xác định công nghệ ngân hàng cần được phát triển và đẩy mạnh hơn nữa để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như tạo ra các ưu thế cạnh tranh.

5. Phát triển nhân sự và công tác đào tạo:

Với quy mô Ngân hàng Nam Á ngày càng lớn mạnh về chiều rộng và chiều sâu, nguồn nhân lực cũng vì thế tăng cả lượng và chất trong năm qua. Công tác tuyển dụng luôn được ngân hàng chú trọng cao, đảm bảo nhân sự được tuyển chọn đạt chất lượng tốt. Trong năm đã tuyển dụng mới 332 người nâng tổng số nhân viên cuối năm 2014 là 1.203 người, tăng 127 người, tương ứng tăng 11,8% so với đầu năm.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo cũng được Ngân hàng Nam Á chú trọng và đã tổ chức thường xuyên các khóa huấn luyện, đào tạo cho nhân viên. Năm 2014 đã tổ chức tổng cộng trên 30 khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài, với trên 867 lượt CBNV theo học. Đồng thời, nhằm hướng đến xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa, Ngân hàng Nam Á đã triển khai các chương trình cho sinh viên thực tập, học việc, đặc biệt các thực tập viên sẽ có cơ hội trở thành Nam Á Leader.

Trong năm qua năng suất lao động đã có sự tăng trưởng so với năm 2013, trong đó: năng suất huy động bình quân là 18,8 tỷ đồng/nhân viên tăng 37% và năng suất cho vay là 15,4 tỷ đồng/nhân viên, tăng 31%.

Kết luận: Trong năm 2014, hoạt động của Ngân hàng Nam Á đã đạt được những thành công nhất định với các chỉ tiêu kinh doanh đạt kế hoạch, tốc độ phát triển nhanh và ổn định; các hoạt động nghiệp vụ được thực hiện một cách nghiêm túc; công tác kiểm tra, kiểm soát, quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng đã phát huy hiệu quả trên toàn hệ thống. Bên cạnh đó, đặc biệt Ngân hàng Nam Á đã hoàn toàn mang dáng hình mới khi thay đổi chuẩn nhận diện thương hiệu, củng cố và mở rộng mạng lưới hoạt động, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Với những kết quả thành công trong năm 2014 sẽ làm tiền đề cho Ngân hàng Nam Á tự tin, vững vàng khi bước vào kế hoạch kinh doanh trong năm 2015 và các năm tiếp theo.

PHẦN 2 : KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG TRONG NĂM 2015

1. Dự báo tình hình kinh tế năm 2015:

Dự báo năm 2015, nền kinh tế Thế giới vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức do những diễn biến phức tạp về chính trị, những ảnh hưởng từ lệnh trừng phạt của Mỹ và EU đối với Nga, và những biến động về giá dầu liên tục giảm trong thời gian qua. Đối với nền kinh tế nước ta, do cộng hưởng từ việc hội nhập ngày càng sâu và rộng, đồng thời phải cạnh tranh ngày càng gay gắt thì trong năm 2015 sẽ tiếp tục chứng kiến nhiều khó khăn và thách thức hơn.

Tuy nhiên, từ những kết quả đạt được trong điều hành vĩ mô thời gian qua, Chính phủ cũng đã dự báo và đặt mục tiêu trong năm 2015 là ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế hợp lý, kiểm soát lạm phát. Một số chỉ tiêu kinh tế năm 2015 như sau: (i) GDP năm 2015 tăng trưởng đạt 6,2%, (ii) CPI 2015 tăng khoảng 5,6% – 6%, (iii) Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2015 ước tăng trưởng đạt 10-12%. Nhập siêu được kiểm soát ở mức dưới 5%, (iv) Tỷ giá tiếp tục được ổn định, mục tiêu không vượt quá 2% trong năm 2015, dự trữ ngoại hối duy trì mức cao.

2. Dự báo ngành tài chính - Ngân hàng 2015:

Về chính sách tiền tệ, trong năm 2015 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) sẽ điều hành một cách linh hoạt, thận trọng, điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, đặc biệt là diễn biến của lạm phát. Dự kiến lãi suất cơ bản ổn định có thể giảm thêm từ 0,5% - 1%; kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán, dự kiến tăng từ 16% – 18% và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế tăng từ 13%-15%.

Thực hiện các giải pháp điều hành tín dụng theo hướng mở rộng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng; tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh; tiếp tục tăng trưởng tín dụng theo hướng tập trung vốn cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên. Đồng thời, NHNN sẽ tăng cường thanh tra, giám sát và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu theo lộ trình tái cơ cấu các TCTD giai đoạn 2011- 2015.

Năm 2015 hệ thống Ngân hàng thương mại (NHTM) tiếp tục phát triển mạnh về thị phần; đẩy mạnh vốn huy động và quy mô tài sản; dự báo trong năm 2015 mức độ cạnh tranh giữa các NHTM ngày càng lớn về chất lượng hoạt động, trong đó yếu tố kỹ năng chăm sóc khách hàng và các sản phẩm dịch vụ tài chính mang tính công nghệ cao sẽ được nâng lên đáng kể.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015:

Với dự báo trong năm 2015 tình hình thanh khoản của các NHTM tiếp tục ổn định, lãi suất huy động và cho vay có xu hướng giảm, các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận vốn vay sẽ thuận lợi hơn. Tuy nhiên, ngành ngân hàng vẫn tiếp tục đối mặt với những rủi ro về thị trường, nợ xấu, những thay đổi chính sách vĩ mô và đặc biệt sự cạnh tranh bán lẻ trong ngành ngày càng lớn.

Xác định được những thách thức trên, Ngân hàng Nam Á đã chủ động xây dựng kế hoạch 2015 và cùng các giải pháp, chương trình hành động cụ thể cơ sở đảm bảo bảo thực hiện được mục tiêu “**Tăng trưởng an toàn và hiệu quả bền vững**”.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2015:

1.1 Chỉ tiêu kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2014	KH 2015	+/- %
1	Tổng tài sản	37.293	40.000	7%
2	Huy động từ TCKT & Cá nhân	20.319	23.500	16%
3	Dư nợ cho vay TCKT & Cá nhân	16.629	21.000	26%
4	Lợi nhuận trước thuế	242	360	49%
5	Tỷ lệ nợ nhóm 2	1,87%	≤3%	-
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,40%	≤ 3%	-

1.2 Chỉ tiêu khác:

Năm 2015, Ngân hàng Nam Á phát triển thêm 9 điểm giao dịch, gồm 5 Chi nhánh và 4 Phòng giao dịch để nâng tổng số điểm giao dịch vào cuối 2015 là 69 điểm .

2. Chương trình hành động năm 2015:

2.1 Đẩy mạnh kinh doanh và phát triển thương hiệu:

- Thúc đẩy kinh doanh, phát triển sản phẩm dịch vụ:

- + Xây dựng và triển khai chương trình thi đua thúc đẩy kinh doanh (SSP). Tổ chức các hội thảo nâng cao kỹ năng quản lý, kỹ năng bán hàng của đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên bán hàng.
 - + Xây dựng chính sách khách hàng thân thiết, xây dựng các chương trình mới và thúc đẩy bán hàng nội bộ. Nghiên cứu chương trình kích thích huy động vốn và tăng giao dịch tài khoản vãng lai, đồng thời nghiên cứu phát triển sản phẩm gói ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp.
 - + Tiếp tục nghiên cứu cải tiến và đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới có chọn lọc phù hợp với nhu cầu thị trường, song song triển khai xây dựng các chương trình khuyến mãi thiết thực, đánh đúng thị hiếu của khách hàng nhằm mang lại hiệu quả cao cho chương trình.
 - + Chú trọng phát triển sản phẩm dịch vụ đáp ứng theo từng ngành nghề đặc thù tại địa phương. Phát triển sản phẩm cho vay phân tán.
 - + Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử, mở rộng hợp tác với các đối tác như Viettel, Payoo nhằm phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mới. Cải tiến các sản phẩm tín dụng, liên kết các đơn vị hãng xe, các công ty bảo hiểm,... triển khai bán chéo sản phẩm, song song đẩy mạnh triển khai chương trình cho vay bất động sản gói hỗ trợ 30.000 tỷ của chính phủ.
- Phát triển thương hiệu:
- Tiếp tục phát huy công tác quảng bá thương hiệu đã thực hiện trong thời gian qua, đẩy mạnh công tác chuẩn nhận diện thương hiệu tại các đơn vị kinh doanh trong năm 2015.
- + Phát huy thế mạnh kênh truyền thông nội bộ, đẩy mạnh các hoạt động nhằm nâng cao Văn hóa doanh nghiệp Ngân hàng Nam Á xem đây là nhiệm vụ lâu dài có tầm ảnh hưởng đến sự phát triển của ngân hàng trong giai đoạn hội nhập như hiện nay.
 - + Tiếp tục triển khai tốt các chương trình mang tính truyền thống của Ngân hàng Nam Á như chương trình từ thiện, cứu trợ, tài trợ,... Nghiên cứu tìm hiểu và tham gia các giải thưởng trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng hoạt động và nâng cao uy tín của ngân hàng.

2.2 Nâng cao hiệu quả quản trị nguồn vốn:

- Điều hành đảm bảo an toàn thanh khoản và khả năng thanh toán trên toàn hàng; đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo đúng quy định của NHNN.
- Tập trung tăng trưởng nguồn vốn huy động từ CN&TCKT qua các chính sách như: khuyến mại thu hút khách hàng, các chương trình huy động linh hoạt, các chương trình thi đua khen thưởng gia tăng huy động....
- Đẩy mạnh các chính sách nội bộ nhằm thúc đẩy tăng trưởng vốn huy động nhất là nguồn vốn huy động từ cá nhân.
- Nghiên cứu, dự báo tình hình kinh tế xã hội và bám sát thị trường tiền tệ để kịp thời điều tiết cơ cấu nguồn vốn hoạt động an toàn, hiệu quả.
- Thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư tài chính linh động, hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật.

2.3 Nâng cao chất lượng quản lý rủi ro:

- Đẩy mạnh công tác quản lý nợ, thường xuyên kiểm tra giám sát tình hình tín dụng tại các đơn vị trên toàn hệ thống để có những cảnh báo và xử lý kịp thời.
- Nâng cao công tác xử lý và thu hồi nợ.
- Tăng cường quản lý rủi ro hoạt động tại tất cả các đơn vị bằng các chương trình hành động cụ thể như: gia tăng giám sát từ xa, kiểm tra định kỳ các mặt nghiệp vụ của các đơn vị kinh doanh.
- Dự báo tốc độ tăng trưởng nhằm đưa ra các chính sách kiểm soát kịp thời, đảm bảo hoạt động ngân hàng, cũng như các chính sách ngăn chặn rủi ro.

2.4 Đổi mới vận hành và cải tiến giao dịch:

- Tiếp tục xây dựng và cải tiến chuẩn vận hành mới với tiêu chí “Ngân hàng đẹp, dịch vụ tốt”.
- Triển khai, điều chỉnh mô hình giao dịch chuyên nghiệp trên toàn hệ thống nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng cải tiến giao dịch.

2.5 Hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng:

- Triển khai nâng cấp hệ thống CNTT và hiện đại hóa hoạt động ngân hàng, đảm bảo vận hành hệ thống CNTT ổn định an toàn và bảo mật.
- Tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, ngân hàng điện tử ebanking, đáp ứng nhu cầu phát triển ngân hàng và đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất đến khách hàng.
- Tiến hành chuyển đổi hệ thống ISMS sang tiêu chuẩn ISO 27001:2013 về an toàn bảo mật thông tin cho toàn ngân hàng, cũng như nâng cao chất lượng vận hành hệ thống công nghệ thông tin.
- Nghiên cứu và phát triển các dự án công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ đáp ứng kịp thời các nhu cầu khách hàng.

2.6 Nâng cao quản trị nguồn nhân lực:

- Điều chỉnh phù hợp và triển khai hệ thống chỉ tiêu đánh giá KPI cho toàn hàng, phân bổ KPI đến từng CBNV để tạo cơ sở đo lường và giám sát hiệu quả kinh doanh của từng CBNV.
- Xây dựng chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhân sự nhằm làm đòn bẩy nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả làm việc.
- Chú trọng đào tạo cán bộ nhân viên nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn.
- Có thực hiện đánh giá chất lượng CBNV qua các chính sách cụ thể theo từng vị trí công việc và chức danh.

2.7 Hoạt động khác:

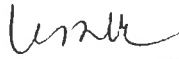
- Nâng cao năng lực tài chính và đảm bảo sức cạnh tranh cho ngân hàng thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng.
- Thực hiện niêm yết cổ phiếu Ngân hàng Nam Á trên sàn chứng khoán nhằm tạo điều kiện, cơ hội kinh doanh tốt hơn cho các nhà đầu tư, cũng như gia tăng quyền lợi cho các cổ đông Ngân hàng Nam Á.



IV. KẾT LUẬN:

Khép lại năm 2014 với nỗ lực của toàn thể CBNV Ngân hàng Nam Á, sự quyết tâm cao của Ban Tổng giám đốc, Ban Điều hành và định hướng chiến lược từ Hội đồng quản trị, Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành thắng lợi cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch trọng yếu đã đề ra. Với những kết quả đạt được trong năm 2014 sẽ là động lực và niềm tin để Ngân hàng Nam Á quyết tâm hơn nữa trong triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2015. Toàn thể CBNV Ngân hàng Nam Á tiếp tục nỗ lực, hành động, phát huy những ý tưởng và cách làm mới để đạt kết quả khả quan hơn và thành công hơn, phấn đấu để đưa con tàu Ngân hàng Nam Á vươn xa và trở thành một trong các ngân hàng hiện đại, chuyên nghiệp tại Việt Nam.

Trân trọng kính trình.



TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC




Trần Ngô Phúc Vũ



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMA VNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 127/2015/BCQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO

Về kết quả quản trị hoạt động Ngân hàng năm 2014 và định hướng công tác quản trị năm 2015

Kính thưa Đại hội,

Năm 2014 được dự báo là một năm đầy khó khăn, thách thức của hoạt động ngành ngân hàng, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý có liên quan và với sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBNV Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ do Đại Hội đồng cổ đông lần thứ 22 đề ra.

I. VỀ KẾT QUẢ QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2014

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22:

1.1 Về các chỉ tiêu hoạt động ngân hàng:

Trong năm 2014, Ngân hàng Nam Á đã tích cực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu sau:

- Tổng tài sản: 37.293 tỷ đồng, đạt 107% so với kế hoạch năm 2014 (Kế hoạch điều chỉnh: 35.000 tỷ đồng).
- Huy động vốn từ cá nhân và tổ chức kinh tế (TCKT): 20.319 tỷ đồng, đạt 113% so với kế hoạch năm 2014 .
- Dự nợ cho vay khách hàng cá nhân và TCKT: 16.629 tỷ đồng, đạt 114% so với kế hoạch năm 2014.
- Tỷ lệ nợ nhóm 2: 1,87%, đạt so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.
- Tỷ lệ nợ xấu: 1,40%, đạt so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.
- Kết quả kinh doanh: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 242 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch năm 2014.



1.2 Về tăng vốn điều lệ:

Trong năm 2014, Ngân hàng Nam Á đã thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng và đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản số 63/NHNN-TTGSNH ngày 06/01/2015. Ngân hàng Nam Á sẽ hoàn tất việc tăng vốn điều lệ sau khi được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

1.3 Về góp vốn, liên doanh, mua bán chứng khoán của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và các đối tác nước ngoài:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định việc đầu tư vào các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, đầu tư dự án, đầu tư vào các TCTD khác dưới hình thức mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; góp vốn đầu tư; liên doanh; mua, bán chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên do tình hình kinh tế chưa thật sự khởi sắc, Hội đồng quản trị chưa thực hiện việc đầu tư trên.

1.4 Về đầu tư mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật năm 2014:

Nhằm đưa hình ảnh, thương hiệu Ngân hàng Nam Á đến với khách hàng, trong năm 2014, các trụ sở Chi nhánh, Phòng Giao dịch mở mới được đầu tư khang trang, hiện đại, mặt bằng giao dịch thuận lợi, mua sắm các trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu hoạt động của Ngân hàng; các điểm giao dịch hiện hữu được cải tạo, sửa chữa theo chuẩn nhận diện thương hiệu.

Tính đến ngày 31/12/2014, tổng mức đầu tư, mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật không vượt quá 50% vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

1.5 Về mở rộng mạng lưới

Trong năm 2014, ngoài việc củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, Ngân hàng Nam Á đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận mở mới 7 điểm giao dịch. Tính đến 31/12/2014, Ngân hàng Nam Á đã khai trương 04 chi nhánh và 02 phòng giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch lên 59 điểm trên toàn hệ thống (gồm 1 Hội sở, 1 Công ty Quản lý nợ & Khai thác tài sản, 17 Chi nhánh và 40 Phòng Giao dịch).

Riêng Chi nhánh Ninh thuận đã được khai trương hoạt động vào tháng 01/2015.

1.6 Về ngân sách hoạt động và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2014:

Trong năm 2014, căn cứ vào sự nỗ lực tăng tốc phát triển của các đơn vị trong toàn hệ thống cũng như để tăng cường công tác quản trị, điều hành và nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các mặt hoạt động ngân hàng, ngân sách hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được sử dụng không vượt so với kế hoạch đã được ĐHCĐ lần thứ 22 thông qua ngày 27/03/2014.

2. Đánh giá kết quả hoạt động quản trị:

- Trong năm 2014, Hội đồng quản trị luôn giám sát và chỉ đạo chặt chẽ Ban Điều hành thực hiện tốt các chủ trương do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Thường xuyên rà soát, theo dõi và đẩy mạnh các hoạt động tín dụng nhưng không ngoài chủ trương tăng trưởng tín dụng an toàn, bền vững.
- Thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro toàn ngân hàng, thường xuyên kiểm tra kiểm soát thực tế, giám sát từ xa các mặt nghiệp vụ của đơn vị kinh doanh nhằm đảm bảo cho hoạt động của ngân hàng an toàn và hiệu quả.
- Điều hành hoạt động của Ngân hàng Nam Á theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước, chấp hành tốt các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.
- Hoàn thiện, điều chỉnh, bổ sung một số quy chế, quy trình trong hoạt động của Ngân hàng Nam Á cho phù hợp với các quy định mới của Ngân hàng Nhà nước
- Thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức, sắp xếp luân chuyển, điều động nhân sự nội bộ theo hướng trẻ hóa đội ngũ, phù hợp với năng lực và chuyên môn cá nhân và nâng cao hiệu quả kinh doanh, quản trị, điều hành.
- Bên cạnh đó, công tác quảng bá thương hiệu của Ngân hàng Nam Á được thực hiện chuyên nghiệp hơn, góp phần nâng cao vị thế và uy tín Ngân hàng Nam Á trong ngành; đảm bảo mục tiêu gia tăng sự nhận biết từ cộng đồng.
- Hoạt động công nghệ thông tin được vận hành ổn định, xuyên suốt, an toàn và bảo mật cao trên toàn hệ thống.
- Hội đồng quản trị không ngừng nâng cao năng lực quản trị điều hành, luôn duy trì chế độ họp định kỳ để nắm bắt tình hình hoạt động, qua đó thường xuyên trao đổi thông tin, bàn bạc thảo luận, phối hợp thống nhất chỉ đạo, đưa ra các biện pháp giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NĂM 2015

Qua dự báo và đặt mục tiêu trong năm 2015 là ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế hợp lý, kiểm soát lạm phát và để đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch theo phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất với Ban Điều hành về dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2015 với một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Tổng tài sản: 40.000 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2014.
- Huy động từ TCKT & Cá nhân: 23.500 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2014.
- Dư nợ cho vay TCKT & Cá nhân: 21.000 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2014.
- Lợi nhuận trước thuế : 360 tỷ đồng, tăng 49% so với năm 2014.
- Tỷ lệ nợ nhóm 2: $\leq 3\%$
- Tỷ lệ nợ xấu: $\leq 3\%$

Theo đó các chương trình cho định hướng triển khai trong năm 2015 được thực hiện như sau:

1. Tăng năng lực tài chính thông qua việc tập trung tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng vào cuối Quý II/ 2015.
2. Xây dựng và triển khai chương trình thi đua thúc đẩy kinh doanh; nghiên cứu cải tiến và đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới có chọn lọc phù hợp với nhu cầu thị trường.
3. Tiếp tục phát huy công tác quảng bá thương hiệu, đẩy mạnh công tác chuẩn nhận diện thương hiệu tại các đơn vị kinh doanh trong năm 2015.
4. Đảm bảo chất lượng kiểm tra, kiểm soát, quản lý rủi ro chặt chẽ các mặt hoạt động ngân hàng, chấp hành đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Điều lệ và quy chế nội bộ của Ngân hàng Nam Á.
5. Tiếp tục rà soát và hoàn chỉnh các quy chế, quy trình nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh thống nhất, hiệu quả và phù hợp với các quy định của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước.
6. Chú trọng công tác phát triển mạng lưới, các mặt bằng giao dịch tiếp tục được cải tiến, điều chỉnh đến các vị trí thu hút khách hàng. Trong năm 2015, Ngân hàng Nam Á đặt mục tiêu phát triển mạng lưới năm 2015 thêm 9 điểm giao dịch, gồm 5 Chi nhánh và 4 Phòng giao dịch để nâng tổng số điểm giao dịch vào cuối 2015 là 69 điểm.
7. Tăng cường giám sát chặt chẽ chất lượng nguồn vốn và sử dụng vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản và khả năng thanh toán trên toàn hàng.
8. Tích cực thu hồi triệt để nợ quá hạn, nợ chờ xử lý, tận thu lãi ngoại bảng, lãi tồn đọng để tăng thu nhập cho Ngân hàng, đồng thời bằng mọi biện pháp giảm thiểu tối đa phát sinh nợ quá hạn mới.
9. Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, xây dựng và cải tiến chuẩn vận hành; triển khai mô hình giao dịch một cửa trên toàn hệ thống, các chương trình cải tiến giao dịch mới nhằm tạo sự thuận lợi trong giao dịch cho khách hàng.
10. Bố trí, đào tạo đội ngũ CBNV đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á trong tương lai. Triển khai hệ thống chỉ tiêu đánh giá KPI cho toàn hàng; xây dựng chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhân sự nhằm làm đòn bẩy nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả làm việc.
11. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
12. Tăng cường công tác quản lý rủi ro lãi suất, rủi ro kỳ hạn, rủi ro tác nghiệp, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.
13. Công tác tuyển dụng luôn được ngân hàng chú trọng cao, đảm bảo nhân sự được tuyển chọn đạt chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng quy mô, mạng

lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á trong tương lai. Rà soát đánh giá lại tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo và nhân viên các cấp để củng cố, sắp xếp lại cơ cấu quản lý phù hợp với quy mô hoạt động ngân hàng.

14. Tiếp tục nâng cao vai trò CNTT, tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, ngân hàng điện tử ebanking, đáp ứng nhu cầu phát triển ngân hàng và đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất đến khách hàng.

Kính thưa Đại hội, trên đây là báo cáo kết quả quản trị hoạt động Ngân hàng Nam Á năm 2014 và định hướng công tác quản trị năm 2015, Hội đồng quản trị trình Đại hội thảo luận và đóng góp ý kiến nhằm không ngừng nâng cao trách nhiệm quản trị, điều hành, bảo đảm thực hiện các Nghị quyết mà Đại hội đề ra, góp phần xây dựng Ngân hàng Nam Á ngày càng phát triển, an toàn, hiệu quả và bền vững.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMA VNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 128/2015/BCQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO
Về việc đánh giá hiệu quả làm việc của các Thành viên
Hội đồng quản trị trong năm 2014

Kính thưa Đại hội,

Qua một năm hoạt động, với phương châm nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất, ý thức chấp hành luật pháp, có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh Ngân hàng Nam Á theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22, thay mặt Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á kính báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 23 kết quả làm việc của các Thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2014 như sau:

1- Ông Nguyễn Quốc Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á;
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, cụ thể: giữ nhiệm vụ Thường trực Hội đồng quản trị, phụ trách chung và trực tiếp đảm nhiệm:
 - Chủ tịch Hội đồng Tín dụng;
 - Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng;
 - Chủ tịch Hội đồng Đầu tư;
 - Chủ tịch Hội đồng Xử lý rủi ro;
 - Trưởng Ban tái cơ cấu Ngân hàng;
 - Phụ trách về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và vốn điều lệ.

2- Ông Phan Đình Tân - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thường trực:

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, cụ thể:
 - Chủ tịch Hội đồng Nhân sự - Tiền lương;
 - Chủ tịch Ủy ban Nhân sự;
 - Chủ tịch Hội đồng Xử lý kỷ luật.

3- Ông Nguyễn Quốc Mỹ - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, cụ thể:
 - Chủ tịch Công ty Quản lý Nợ & Khai thác tài sản (AMC).
 - Và thực hiện các công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

4- Ông Trần Ngô Phúc Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị:

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng Nam Á.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, cụ thể:
 - Chủ tịch Hội đồng xử lý tài sản;
 - Chủ tịch Ủy ban quản lý rủi ro;
 - Phụ trách về Phát triển mạng lưới;
 - Trưởng Ban chuyển đổi mô hình cơ cấu tổ chức mới;
 - Phụ trách về hoạt động Trung tâm Thẻ.

5- Bà Võ Thị Tuyết Nga - Thành viên Hội đồng quản trị:

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng Nam Á.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, cụ thể:
 - Trưởng Ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO);
 - Và thực hiện các công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

6- Ông Lê Thanh Đạm - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á và trực tiếp đảm nhiệm:

- Thành viên Ủy ban quản lý rủi ro;
- Và thực hiện các công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

Kính thưa Đại hội, trên đây là báo cáo kết quả làm việc của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2014.

Trân trọng báo cáo.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NAM Á
TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 129/2015/BCQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO
Về việc đánh giá hiệu quả hoạt động của
các Ủy ban của Hội đồng quản trị trong năm 2014

Kính thưa Đại hội,

Thay mặt Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 23 kết quả hoạt động các Ủy ban của Hội đồng quản trị trong năm 2014 như sau:

I. Kết quả hoạt động của Ủy ban Nhân sự:

Qua một năm hoạt động, Ủy ban Nhân sự Ngân hàng Nam Á đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban. Với mục tiêu định hướng nâng cao chất lượng nhân sự, Ủy ban Nhân sự đã đạt được một số kết quả như sau:

1. Kiến nghị chuẩn hóa công tác tuyển dụng (xây dựng quy trình tuyển dụng, ngân hàng đề thi tuyển dụng, mô tả công việc và tiêu chuẩn chức danh tại kênh phân phối, nguồn ứng viên, định biên nhân sự Hội sở chính và Đơn vị kinh doanh).
2. Đề xuất thực hiện đánh giá cán bộ nhân viên thường xuyên nhằm sắp xếp, luân chuyển, điều động và đào tạo nhân sự nội bộ, chú trọng công tác nhân sự bán hàng. Trẻ hóa đội ngũ, phù hợp với năng lực và chuyên môn cá nhân và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
3. Đề xuất xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa (thông qua các chính sách thực tập, học việc, chương trình tìm kiếm nhà Lãnh đạo tiềm năng “Nam Á Leader”).
4. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về việc khen thưởng cho tập thể và cá nhân nhằm động viên các đơn vị và CBNV tích cực công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
5. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc phân công nhân sự chủ chốt đáp ứng theo mô hình cơ cấu tổ chức mới.
6. Giám sát sự tuân thủ của Ngân hàng Nam Á đối với các quy định của Pháp luật về việc sử dụng nguồn nhân lực.

20/49

Với nỗ lực của các thành viên Ủy ban Nhân sự, hoạt động của Ủy ban Nhân sự trong năm vừa qua góp phần đáng kể vào việc kiện toàn bộ máy nhân sự, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Ngân hàng Nam Á, tham mưu kịp thời cho Hội đồng Quản trị ban hành các chính sách xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng Nam Á.

II. Kết quả hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro:

Nhằm hỗ trợ, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong năm 2014, Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) đã chỉ đạo và triển khai thực hiện các công việc thông qua các buổi họp định hướng.

Bám sát mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 và tình hình hoạt động Ngân hàng, UBQLRR đã thực hiện:

- Giám sát việc thực thi chính sách quản trị rủi ro của hệ thống Ngân hàng Nam Á và có kiến nghị kịp thời; cảnh báo rủi ro đối với chính sách tín dụng, sản phẩm, quy định cho vay hiện hành của Ngân hàng Nam Á.
- Tham mưu, đề xuất hạn mức cấp tín dụng tại các đơn vị kinh doanh kịp thời, phù hợp tình hình kinh tế xã hội cho Hội đồng quản trị để giảm thiểu rủi ro trong toàn hệ thống.
- Tham mưu, đề xuất ý kiến cho Hội đồng quản trị các phương án song hành cùng Ban điều hành đối với các chính sách thay đổi phù hợp, hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các Ban ngành.

Với việc thực hiện vai trò trên, UBQLRR đã góp phần tích cực đối với hoạt động của Ngân hàng Nam Á năm 2014, và đã kiểm soát tốt tất cả các mặt hoạt động của Ngân hàng.

Kính thưa Đại hội, trên đây là báo cáo kết quả làm việc của các Ủy ban của Hội đồng quản trị trong năm 2014.

Trân trọng báo cáo.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/2015/BKS-NHNA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 23 NĂM 2015

Kính thưa Đại Hội,

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng 2010 ngày 16/06/2010;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y năm 2003 và được Ngân hàng Nhà nước xác nhận tại công văn số 2326/TTGSNH6 ngày 12/9/2012 v/v Đăng ký Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát số 822/2011/QĐQT-NHNA ngày 30/12/2011;
- Căn cứ kết quả thẩm tra của Ban Kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á năm 2014,

Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại Hội Đồng cổ đông thường niên lần thứ 23 nhiệm kỳ VI (2011- 2016) về **hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Ngân hàng TMCP Nam Á** như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Định kỳ hàng tháng, trong lĩnh vực được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp tham gia đóng góp, đề xuất ý kiến vào báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kiểm soát để thông báo cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á trong việc quản trị, điều hành theo quy định.
- Thông qua các Báo cáo thẩm tra kết quả hoạt động kinh doanh tháng, Ban Kiểm soát đều có nhận xét đánh giá hoạt động của Kiểm toán nội bộ và có ý kiến về hệ thống kiểm soát nội bộ (theo Điều 40 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010) và các kiến nghị (nếu có) đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á, về việc thực hiện các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng Nam Á, việc chấp hành các điều luật, các tỷ lệ bảo đảm an toàn cho hoạt động ngân hàng luôn đảm bảo đúng quy định.
- Chỉ đạo thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Trong năm 2014 đã kiểm toán tại chỗ 100% kế hoạch kiểm toán cuộc đối với các đơn vị, qua đó rút ra những vấn đề cần cải tiến chung cho toàn hệ thống. Nội dung của Kiểm toán nội bộ đã tập trung

22/49

hơn vào các vấn đề rủi ro trong các quy trình nghiệp vụ, cơ chế kiểm soát, giám sát, các khoản mục, nội dung trọng yếu trong báo cáo tài chính, đánh giá tính thích hợp và sự tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ và kiến nghị cải tiến. Những hoạt động được coi là có rủi ro cao sẽ được ưu tiên tập trung nhiều nguồn lực, thời gian để kiểm toán, được kiểm toán trước và được kiểm toán thường xuyên hơn các hoạt động có rủi ro thấp hơn.

- Việc thực hiện kiểm toán nội bộ thường xuyên hàng tháng tại hội sở và các chi nhánh thông qua hệ thống dữ liệu tập trung online các mặt hoạt động nghiệp vụ trọng yếu được kịp thời phát hiện sai sót, kiến nghị chỉnh sửa và kiểm tra việc chỉnh sửa. Mặt khác các thông tin từ công việc kiểm toán thường xuyên còn được sử dụng để lập, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán theo từng cuộc, hoặc tiến hành kiểm toán đột xuất khi cần thiết.
- Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng và toàn năm 2014, bao gồm các báo cáo tài chính của ngân hàng, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ (báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán do tổ chức kiểm toán độc lập Công ty kiểm toán Ernst & Young thực hiện).
- Thực hiện lưu giữ và cập nhật thay đổi danh sách các cổ đông lớn, và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc theo đúng quy định.
- Giám sát Hệ thống kiểm soát nội bộ tại Ngân hàng Nam Á được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ tại tất cả các đơn vị, bộ phận. Các chính sách kiểm soát rủi ro, quản lý rủi ro được lồng ghép vào các quy trình nghiệp vụ, phân định trách nhiệm rõ ràng để nâng cao trách nhiệm.
- Về cơ cấu tổ chức hiện tại đảm bảo phân tách chức năng kinh doanh và chức năng quản lý rủi ro; lấy khách hàng làm trung tâm, chú trọng phát triển sản phẩm dịch vụ mới, hoạt động kinh doanh mới, phát triển khách hàng.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2014:

- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Ngân hàng Nam Á, thống nhất số liệu với báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young;
- Các số liệu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2014, phản ánh tình hình hoạt động tài chính, trên các khía cạnh trọng yếu, là hợp lý, hợp pháp, trung thực, phù hợp với các quy định hiện hành về chế độ kê toán tài chính theo quy định của pháp luật;
- Xác nhận phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2014, trình Đại hội đồng cổ đông, tính toán đúng theo quy định của Nhà nước (Điều 23 Nghị định số 57/2012/NĐ-CP, ngày 20/07/2012 của Chính phủ ban hành về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á.

3. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 ngày 27/03/2014 như sau:

3.1. Về Kế hoạch hoạt động năm 2014:

Đvt: tỷ đồng, %

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
1	Tổng tài sản	35.000	37.293	107%
2	Huy động vốn từ cá nhân và tổ chức kinh tế	18.000	20.319	113%
3	Cho vay cá nhân và tổ chức kinh tế	14.600	16.629	114%
4	Lợi nhuận trước thuế	210	242	115%
5	Tỷ lệ nợ nhóm 2	<2,5%	1,87%	Đạt
6	Tỷ lệ nợ xấu	<2,5%	1,40%	Đạt

3.2. Về tăng vốn điều lệ năm 2014: Ngày 06/01/2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản số 63/NHNN-TTGSNH về việc chấp thuận cho Ngân hàng Nam Á tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục thực hiện xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, dự kiến sẽ hoàn tất việc tăng vốn vào cuối quý II/2015.

3.3. Về góp vốn, liên doanh, mua, bán chứng khoán của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và các đối tác nước ngoài: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định việc đầu tư vào các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, đầu tư dự án, đầu tư vào các tổ chức tín dụng khác dưới hình thức mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; góp vốn đầu tư; liên doanh; mua, bán chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên do tình hình kinh tế chưa thật sự khởi sắc, Hội đồng quản trị chưa thực hiện việc đầu tư trên.

3.4. Về đầu tư mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật năm 2014 trên cơ sở đảm bảo tổng giá trị tài sản cố định không vượt quá 50% vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước: Tính đến ngày 31/12/2014, tổng mức đầu tư, mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật vẫn đảm bảo không vượt quá 50% vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3.5. Về mở rộng mạng lưới: đã thực hiện khai trương mới 06 điểm giao dịch, gồm 04 chi nhánh và 02 phòng giao dịch, nâng tổng số lên 59 điểm giao dịch trên toàn hệ thống.

3.6. Về ngân sách hoạt động và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2014: Trong năm 2014 căn cứ vào sự nỗ lực tăng tốc phát triển của các đơn vị trong toàn hệ thống cũng như để tăng cường công tác quản trị, điều hành và nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các mặt hoạt động ngân hàng nên ngân sách hoạt động, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được sử dụng không vượt so với kế hoạch đã được ĐHCĐ lần thứ 22 thông qua ngày 27/03/2014.

Trong năm 2014 là một năm ghi nhận có nhiều thay đổi trong cơ cấu quản lý, mô hình hoạt động. Ngân hàng Nam Á đã thực hiện tái cấu trúc theo mô hình quản lý mới, tăng quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị. Ban hành mới các quy định liên quan đến cơ chế phân cấp phân quyền trong hoạt động. Đến thời điểm này Ngân hàng Nam Á đã có bước tiến nhất định trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng quản trị điều hành, hoàn toàn mang dáng hình mới khi thay đổi cả về nhận diện thương hiệu, về nguồn nhân lực trẻ có trình độ với tư duy sáng tạo, về mạng lưới được phát triển và được đầu tư khang trang ở các vị trí trọng điểm có ưu thế cạnh tranh tạo được niềm tin đối với khách hàng khi đến giao dịch và đạt được kết quả tốt.

Về huy động vốn, Ngân hàng Nam Á đã cơ bản dịch chuyển kỳ hạn ngắn vào đầu năm sang kỳ hạn trên 6 tháng tính đến 31/12/2014 thể hiện tính ổn định trong cơ cấu huy động vốn của Ngân hàng ngày càng cao.

Ngân hàng Nam Á luôn tuân thủ các chính sách tiền tệ, tín dụng và các quy định trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước, đặc biệt là chính sách về lãi suất huy động và cho vay; chính sách lãi suất cho vay linh động và tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nam Á. Mặt khác, nhằm chia sẻ khó khăn tạm thời với khách hàng vay Ngân hàng Nam Á luôn có những chính sách phù hợp như xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các khách hàng vay tiếp tục hoạt động kinh doanh hoặc thanh lý nợ vay. Ngoài ra với các chương trình Đồng hành cùng doanh nghiệp Xuất nhập khẩu, chương trình Gói ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng Doanh nghiệp vay mới,... đã mang lại hiệu quả nhất định cho Ngân hàng trong năm 2014.

Ngoài các chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước, trong môi trường cạnh tranh lãi suất giữa các ngân hàng thương mại, hoạt động tín dụng càng khó khăn, biên độ lãi suất giữa đầu vào đầu ra ngày càng thu hẹp; Nhằm giảm thiểu rủi ro trong công tác tập trung cho tín dụng Ngân hàng Nam Á tích cực phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mới, đồng thời với kiểm soát chi phí hoạt động hợp lý nhằm đảm bảo kế hoạch lợi nhuận.

Kiến nghị:

1. Kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các báo cáo của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trình bày về báo cáo tài chính; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014, phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2014 và phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2015.
2. Kính đề nghị Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành kinh doanh theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm chi phí, có biện pháp khắc phục nhanh

chóng các tồn tại, tiếp tục chấn chỉnh, củng cố, đổi mới đẩy mạnh toàn diện hơn nữa các mặt hoạt động kinh doanh trong năm 2015 theo Đề án tái cơ cấu đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, đưa Ngân hàng Nam Á ngày càng phát triển, an toàn, hiệu quả và bền vững.

Trân trọng báo cáo.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Triệu Kim Cân



Building a better
working world

Ernst & Young Việt Nam
Số 10 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. HCM
Số 10 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. HCM
Số 10 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. HCM

Số tham chiếu: 6075813517110943-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") và công ty con được lập ngày 27 tháng 2 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 67 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

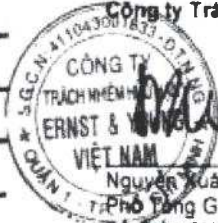


Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0452-2013-004-1

Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015

05
GI
DK
N



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 130/2015/PAPPLN-NHNA

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2014

Căn cứ công văn 284/NHNN-TTGSNH.m ngày 25/3/2015 của Ngân hàng Nhà nước về kế hoạch chia cổ tức năm 2014 và năm 2015. Theo đó, mức chia cổ tức năm 2014 tối đa là 4%.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2014 như sau:

I. LÃI

Đơn vị tính: VNĐ

1. Ngân hàng TMCP Nam Á Hợp nhất

- Lãi gộp	:	232.321.747.541
- Thuế TNDN phải nộp 22%	:	48.631.922.845
- Lãi ròng	:	183.689.824.696

2. Cty TNHH QLN và KTTS Ngân hàng Nam Á

- Lãi gộp (phần lợi nhuận giữ lại để nộp thuế TNDN+ trích Quỹ)	:	10.124.373.471
- Thuế TNDN phải nộp	:	6.648.944.821
- Lãi ròng (đã chuyển về NH Nam Á: 19.637.095.680vnd)	:	3.475.428.650

3. Tổng lãi gộp : **242.446.121.012**

4. Tổng lãi ròng : **187.165.253.346**

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI

1. Lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%) : **9.358.262.668**

- Ngân hàng TMCP Nam Á : 8.202.636.451

- Cty TNHH QLN và KTTS Ngân hàng Nam Á : 1.155.626.217

2. Trích quỹ dự phòng tài chính (10%) : **18.716.525.335**

- Ngân hàng TMCP Nam Á : 16.405.272.902

- Cty TNHH QLN và KTTS Ngân hàng Nam Á : 2.311.252.433

3. Lợi nhuận còn lại : **159.090.465.343**

4. Quỹ đầu tư phát triển + quỹ nghiên cứu đào tạo + quỹ phúc lợi + quỹ khen thưởng : **12.375.342.193**

- Quỹ đầu tư phát triển_Ngân hàng TMCP Nam Á : 159.090.465

- Quỹ nghiên cứu đào tạo_Ngân hàng TMCP Nam Á : 159.090.465

- Quỹ phúc lợi : 6.128.814.835

29/49

+ Ngân hàng TMCP Nam Á	:	6.120.264.835
+ Cty TNHH QLN và KTTS Ngân hàng Nam Á	:	8.550.000
- Quỹ khen thưởng	:	5.928.346.428
+ Ngân hàng TMCP Nam Á	:	5.928.346.428
5. Cổ tức chi cho cổ đông	:	120.000.000.000
- Vốn cổ phần bình quân năm 2014 (chốt danh sách 10/2/2015)	:	3.000.000.000.000
- Tỷ lệ cổ tức của vốn cổ phần bình quân năm 2014	:	4.00%
6. Cổ tức còn lại chưa chia:		26.715.123.150

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn
Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 131/2015/BCQT-NHNA

TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO
Tiến độ tăng vốn điều lệ năm 2014

Kính thưa Đại hội,

Trong năm 2014, thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên lần thứ 22 về tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ lên 4.000 tỷ VNĐ, Ngân hàng Nam Á đã tiến hành và chuẩn bị các thủ tục thực hiện tăng vốn. Hội đồng Quản trị kính báo cáo ĐHĐCĐ về tiến độ tăng vốn điều lệ như sau:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chấp thuận cho Ngân hàng Nam Á tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng bằng văn bản số 63/NHNN-TTGSNH ngày 06/01/2015.
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận bộ hồ sơ tăng vốn của Ngân hàng Nam Á theo quy định từ ngày 02/02/2015. Ngân hàng Nam Á đang trong giai đoạn bổ sung các thông tin theo yêu cầu của UBCKNN (nếu có).
- Việc tăng vốn sẽ thực hiện ngay sau khi UBCKNN có văn bản chấp thuận.

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại Hội đồng cổ đông về tiến độ thực hiện tăng vốn điều lệ năm 2014 và Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á sẽ tiếp tục thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 22 nhằm hoàn tất việc tăng vốn điều lệ chưa thực hiện trong năm 2014; sau đó tổng hợp và báo cáo cho ĐHĐCĐ lần kế tiếp.

Trân trọng báo cáo.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMA VNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 132/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH
Về việc tăng vốn điều lệ năm 2015

Kính thưa Đại hội,

Trong năm 2014, thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên lần thứ 22 về tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ lên 4.000 tỷ VNĐ, hiện tại Ngân hàng Nam Á đang hoàn tất thủ tục thực hiện tăng vốn.

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực tài chính, tăng cường khả năng cạnh tranh và bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu hoạt động theo định hướng đề ra thì việc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á là cần thiết, nhất là trong giai đoạn tái cấu trúc hệ thống Tổ chức tín dụng của Chính Phủ.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ năm 2015 thêm 1.000 tỷ đồng sau khi đã hoàn tất quá trình tăng vốn điều lệ năm 2014; đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm tăng vốn; xây dựng phương án cụ thể về phát hành và sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hội đồng quản trị sẽ tổng hợp và báo cáo cho ĐHCĐ lần kế tiếp.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMA VNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 133/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật doanh nghiệp năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015);

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Hướng dẫn về tổ chức, quản trị, điều hành, vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, bổ sung, sửa đổi Giấy phép, Điều lệ của ngân hàng thương mại;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng,

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 23,

Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Nam Á như sau:

Trong năm 2015, Ngân hàng Nam Á sẽ triển khai niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng trên sàn chứng khoán. Việc niêm yết này nhằm tăng giá trị thương hiệu, tiến tới việc minh bạch, công khai các hoạt động của Ngân hàng đồng thời gia tăng giá trị cổ tức cho các cổ đông.

Hiện nay, Ngân hàng Nam Á đã có đủ điều kiện và đang tiến hành thủ tục để được Ngân hàng Nhà nước và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép niêm yết trên sàn chứng khoán. Để có được hành lang pháp lý đối với một công ty đại chúng, Ngân hàng Nam Á cần phải xây dựng bản Điều lệ phù hợp với quy định đặc thù của tổ chức tín dụng và công ty được phép niêm yết trên sàn chứng khoán.

Bản Điều lệ mới này được xây dựng dựa trên những quy định hiện hành của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Bản Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và các văn bản có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung các nội dung trong bản Điều lệ của Ngân hàng Nam Á trên cơ sở phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015); tiến hành các thủ tục đăng ký Điều lệ tại Ngân hàng Nhà nước và báo cáo Đại hội đồng cổ đông lần kế tiếp.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn

❖ Các tài liệu đính kèm:

- Dự thảo Điều lệ Ngân hàng Nam Á;
- Bản giải trình về các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng Nam Á.



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 134/2015/TTQT-NHNA

TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp

Kính thưa Đại hội,

Thị trường chứng khoán năm 2015 đã xuất hiện dấu hiệu phục hồi và mở ra nhiều cơ hội lớn cho hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán, cụ thể như sau:

- Những tháng cuối năm 2014, thị trường chứng khoán đã sụt giảm mạnh, điều này khiến các chỉ số định giá của thị trường chứng khoán Việt Nam về lại vùng hấp dẫn. *Đây sẽ là cơ hội để lựa chọn khoản đầu tư hấp dẫn với giá hợp lý trong năm 2015.*
- Yếu tố vĩ mô dự báo sẽ tăng trưởng tích cực với tăng trưởng GDP dự kiến từ 6%-6,2%, nhờ Chính phủ tiếp tục thúc đẩy việc cải thiện môi trường kinh doanh, hay các hiệp định mậu dịch tự do đang đàm phán sẽ được hoàn thành vào giữa năm 2015. Điều này sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư và mở rộng thị trường xuất khẩu, qua đó thúc đẩy tăng trưởng. *Triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế được duy trì sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán trong năm 2015.*

Với nhận định hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán năm 2015 là thời cơ lớn, cơ hội lớn để tạo ra lợi nhuận và những bước đi đột phá cho Ngân hàng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc đầu tư vào các lĩnh vực và tổ chức sau:

- Đầu tư vào các doanh nghiệp (bao gồm các tổ chức tín dụng), quỹ đầu tư;
- Đầu tư vào dự án;
- Góp vốn, liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước để thành lập công ty, doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Thành lập công ty trực thuộc.

Tổng mức góp vốn đầu tư thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đại hội Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn lựa, quyết định thời gian và phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp trên cơ sở phân tích, tính toán kỹ hiệu quả kinh tế, phòng chống rủi ro, đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước, sau đó báo cáo Đại hội đồng cổ đông lần kế tiếp.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 135/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Phương án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và cơ sở vật chất mạng lưới năm 2015

Kính thưa Đại hội,

Nhằm nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh, đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho toàn hệ thống Ngân hàng Nam Á ngày càng khang trang, hiện đại phù hợp phát triển của ngành Ngân hàng trong xu thế hội nhập. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận giao cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc đầu tư mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật cho Ngân hàng Nam Á trong năm tài chính 2015 trên cơ sở đảm bảo tổng giá trị tài sản cố định không vượt quá 50% vốn tự có theo quy định Ngân hàng Nhà nước.

Cụ thể như sau:

- Đầu tư, xây dựng trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị cho việc thành lập 9 điểm giao dịch mới trong năm 2015 bao gồm: 05 Chi nhánh và 04 Phòng giao dịch tại các trung tâm thành phố trọng điểm trong cả nước.
- Đầu tư, sửa chữa trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị cho việc thay đổi địa điểm mới cho các đơn vị có mặt bằng chưa đúng chuẩn của Ngân hàng Nam Á và các đơn vị hết hạn hợp đồng thuê địa điểm.
- Sửa chữa, nâng cấp, thay thế trang thiết bị lạc hậu, hư hỏng.
- Sửa chữa, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị theo chuẩn nhận diện thương hiệu cho các chi nhánh và phòng giao dịch đang hoạt động.
- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống thẻ, ATM đáp ứng quy mô ngày càng phát triển và mở rộng của Ngân hàng Nam Á.
- Đầu tư các trang thiết bị khác phục vụ cho nhu cầu phát triển nghiệp vụ và hoạt động ngân hàng.

Kết quả thực hiện việc mua sắm, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trong năm tài chính 2015, Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên lần kế tiếp.

37/49

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 136/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc mở rộng mạng lưới

Kính thưa Đại hội,

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về việc mở rộng mạng lưới như sau:

1. Năm 2014

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 thông qua kế hoạch phát triển mạng lưới năm 2014, trong năm Ngân hàng Nam Á đã thực hiện công tác phát triển mạng lưới như sau:

- a. Chuyển đổi Chi nhánh Bình Tây thành PGD Bình Tây.
- b. Ngân hàng Nam Á đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận mở mới 07 điểm giao dịch trong năm 2014. Tính đến 31/12/2014, Ngân hàng Nam Á đã khai trương và đưa vào hoạt động 04 chi nhánh (Lâm Đồng, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bến Tre) và 02 phòng giao dịch (Sơn Trà, Bình Long). Riêng Chi nhánh Ninh Thuận đã được khai trương hoạt động vào tháng 01/2015.
- c. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á đã thay đổi mặt bằng kinh doanh cho 8 điểm giao dịch để phù hợp với hoạt động Ngân hàng, bao gồm: 02 Chi nhánh (Nha Trang, Bình Dương) và 06 Phòng giao dịch (Rạch Ông, Chợ Đầm, Quận 2, An Nhơn, Vạn Ninh, Cộng Hòa)
- d. Cùng với việc mở rộng mạng lưới, Ngân hàng Nam Á đã thực hiện cơ cấu nhân sự cấp quản lý phù hợp với vị trí và năng lực của từng đơn vị nhằm phát huy hiệu quả mạng lưới và an toàn trong hoạt động.

Hệ thống mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á tính đến ngày 31/12/2014 gồm có 01 Hội sở, 01 Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản, 17 chi nhánh, 40 phòng giao dịch,

2. Kế hoạch năm 2015

Nhằm phát triển mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện quảng bá và nâng cao uy tín thương hiệu Ngân hàng Nam Á, Hội đồng quản trị kính trình mở mới 9 điểm giao dịch, gồm 05 Chi nhánh và 04 phòng giao dịch ở các Trung Tâm Thành phố.

Với kế hoạch mở rộng mạng lưới năm 2015 như trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phát triển mạng lưới trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước, sau đó tổng hợp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông lần kế tiếp.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *TK*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 137/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về ngân sách hoạt động và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2015

Kính thưa Đại hội,

Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về ngân sách hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện năm 2014 và kính trình dự kiến ngân sách hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện năm 2015 như sau :

Năm 2014 ngân sách hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sử dụng 100% so với mức thù lao được Đại hội đồng cổ đông lần thứ 22 thông qua.

Với kết quả đạt được trong năm 2014 sẽ là tiền đề định hướng cho sự phát triển của các năm tiếp theo của Ngân hàng Nam Á. Năm 2015, vai trò quản trị của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ càng được nâng cao và tăng tốc, Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận ngân sách hoạt động và thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (bao gồm cả Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Nam Á) trong năm tài chính 2015 là 15 tỷ đồng (*Mười lăm tỷ đồng chẵn*). Việc hạch toán ngân sách hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Đây là nhu cầu cần thiết tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoạt động của Ngân hàng Nam Á ngày càng phát triển, an toàn, hiệu quả và bền vững.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NAM Á
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 138/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH
Về việc thực hiện niêm yết chứng khoán

Kính thưa Đại hội,

Với kết quả đạt được trong năm 2014 cũng như qua quá trình hoạt động và phát triển của Ngân hàng đã dần khẳng định thương hiệu Ngân hàng Nam Á trong ngành tài chính hiện nay. Để thương hiệu của Ngân hàng Nam Á ngày càng được mở rộng trong và ngoài nước, việc niêm yết cổ phiếu sẽ là một trong những yếu tố góp phần nâng cao thương hiệu và uy tín Ngân hàng Nam Á.

- Theo điểm d, khoản 1, điều 12_ Luật số 62/2010/QH12, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán quy định “Công ty đại chúng đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng phải cam kết đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường có tổ chức trong thời hạn một năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua” thì việc niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng Nam Á là bắt buộc sau khi hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng.
- Mặt khác, với mục đích của việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung còn nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động và hiệu quả quản trị ngân hàng, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Ngân hàng Nam Á trên thị trường, tạo giá trị gia tăng cho các cổ đông.
- Căn cứ điều kiện niêm yết theo quy định, tính đến 31/12/2014, Ngân hàng Nam Á đã đáp ứng đủ điều kiện theo Quyết định số 10/QĐ-SGDHCM ngày 13/1/2014 về Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK) TP.HCM.

Từ các căn cứ nêu trên, Ngân hàng Nam Á thực hiện niêm yết trong năm 2015 là cần thiết.

Để thực hiện việc niêm yết nói trên, Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện niêm yết trên cơ sở cân nhắc diễn biến của thị trường, tổ chức chỉ đạo thực hiện việc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị sẽ thực hiện và báo cáo Đại hội đồng cổ đông kỳ họp kế tiếp.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 139/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á

Kính thưa Đại hội,

Nhằm điều hành hoạt động phù hợp với định hướng quản trị ngân hàng đáp ứng xu hướng kinh doanh, kịp thời, tinh giản bộ máy nhanh gọn, an toàn hiệu quả, quản lý thông suốt và tập trung cao, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chủ trương và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt cơ cấu tổ chức Ngân hàng Nam Á theo các nguyên tắc sau:

- Phân luồng hoạt động: Luồng kinh doanh, Luồng hỗ trợ, Luồng giám sát, ...
- Phân cấp theo Khối: các Khối sẽ quản lý các đơn vị trực thuộc Hội sở (Trung tâm/ Phòng/ Ban) theo mảng nghiệp vụ phù hợp theo từng thời kỳ đảm bảo: tinh giản bộ máy, quản lý thông suốt, tập trung cao, đáp ứng xu hướng kinh doanh, an toàn và hiệu quả.
- Phân quyền quản lý các đơn vị kinh doanh theo các Khu vực gồm Chi nhánh, Phòng giao dịch trực thuộc.

Căn cứ các nguyên tắc trên, Hội đồng quản trị sẽ quyết định cơ cấu tổ chức phù hợp; theo dõi và giám sát để kịp thời điều chỉnh nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động toàn hàng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ trên, sau đó báo cáo Đại hội đồng cổ đông lần kế tiếp.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn

43/49



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 140/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016)

Kính thưa Đại hội

Ngày 27/01/2015 Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á đã có thông báo số 50B/2015/TBQT-NHNA về việc thông báo đến Quý cổ đông các tiêu chuẩn, điều kiện đề cử và tự ứng cử vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) và đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua số lượng thành viên dự kiến bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) dưới hình thức lấy ý kiến của các cổ đông bằng văn bản, số lượng cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016): **01 người.**
- Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016): **01 người.**
- Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ **90,1156%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.

Nhằm để tăng cường công tác quản trị, điều hành và nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các mặt hoạt động ngân hàng, Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á đã họp và thống nhất bổ sung thêm 01 thành viên Hội đồng quản trị, 01 thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) tại phiên họp Hội đồng quản trị ngày 04/02/2015 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua số lượng thành viên dự kiến bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016), cụ thể:

- Số lượng thành viên dự kiến bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016): **01 người (nâng tổng số thành viên dự kiến bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) là 02 người).**
- Số lượng thành viên dự kiến bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016): **01 người (nâng tổng số thành viên dự kiến bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) là 02 người).**
- Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ **91,4579 %** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.

Đến thời điểm theo quy định của Ngân hàng TMCP Nam Á (trước 16h00 ngày 25/02/2015 và trước 16h00 ngày 16/03/2015) vẫn không có cổ đông nào nộp hồ sơ đề cử,

44/49

ứng cử. Do đó, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á đã họp và thống nhất đề cử nhân sự tham gia vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Tuy nhiên cũng chỉ đề cử được 01 ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị và 01 ứng cử viên tham gia vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VI (2011-2016) để Đại hội đồng cổ đông bầu và thống nhất giữ nguyên số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2011-2016) là 06 người, số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VI (2011-2016) là 03 người.

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á kính trình Đại hội đồng cổ đông lần thứ 23 biểu quyết thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ VI (2011-2016) như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2011-2016): là **06 người**.
- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VI (2011-2016): là **03 người**.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 141/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016)

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) của Ông Trần Ngô Phúc Vũ và Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) của Ông Trần Ngọc Dũng;

Căn cứ Nghị quyết số 125/2015/NQQT-NHNA ngày 16/03/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á về việc chấp thuận cho Ông Trần Ngô Phúc Vũ được miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) và chấp thuận cho Ông Trần Ngọc Dũng được miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016),

Theo nội dung Đơn từ nhiệm của các Ông là Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát: vì lý do cá nhân nên Ông Trần Ngô Phúc Vũ và Ông Trần Ngọc Dũng sẽ không thể tiếp tục đảm nhiệm công việc của Ngân hàng.

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á kính trình Đại hội đồng cổ đông lần thứ 23 chấp thuận cho các Ông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nêu trên được miễn nhiệm trước nhiệm kỳ, cụ thể như sau:

1. Chấp thuận việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) đối với Ông Trần Ngô Phúc Vũ.
2. Chấp thuận việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) đối với Ông Trần Ngọc Dũng.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMA VNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 142/2015/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc giới thiệu nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016)

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 06 năm 2010 của Quốc Hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2012 và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký tại công văn số 2326/NHNN-TTGSNH6 ngày 12/09/2012;

Căn cứ Công văn số 324/NHNN-TTGSNH ngày 18/01/2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam hướng dẫn việc chấp thuận dự kiến nhân sự tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Công văn số 649/NHNN-TTGSNH ngày 25/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam về việc sửa đổi một số nội dung tại Công văn số 324/NHNN-TTGSNH ngày 18/01/2012;

Căn cứ Công văn số 9456/NHNN-TTGSNH ngày 18/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam về việc sửa đổi một số nội dung tại Công văn số 324/NHNN-TTGSNH ngày 18/01/2012;

Căn cứ Nghị quyết số 125/2015/NQQT-NHNA ngày 16/03/2015 của Hội đồng quản trị về việc giới thiệu nhân sự tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016);

Căn cứ Công văn số/NHNN-TTGSNH ngày/...../2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng TMCP Nam Á;

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á đã tiến hành họp và thống nhất giới thiệu nhân sự đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 50 Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 06 năm 2010 của Quốc Hội, tham gia đề cử và ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VI (2011-2016) để Đại hội đồng cổ đông bầu, như sau:

1. Ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị:

Bà LƯƠNG THỊ CẨM TÚ, sinh ngày 23/01/1980.

+ Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa.

47/49

- + Quốc tịch: Việt nam.
- + Địa chỉ cư trú hiện nay: 159 Phong Châu, Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa.
- + Số CMND: 225 088 121, Ngày cấp: 26/08/2009, Nơi cấp: Công An Khánh Hòa.
- + Quá trình công tác:
 - Từ 2002 - 2004 : Nhân Viên Tín Dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Khánh Hòa.
 - Từ 2004 – 2005 : Phó phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Khánh Hòa.
 - Từ 2005 – T10/2006 : Trợ lý Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Khánh Hòa.
 - Từ T10/2006 – T07/2007 : Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Khánh Hòa.
 - Từ T07/2007 – T02/2013 : Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Khánh Hòa.
 - Từ T02/2013 – T07/2014 : Giám đốc Khu vực kiêm Trưởng văn phòng Đại diện Khu vực Miền Trung Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long.
 - Từ T07/2014 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 2013 đến nay : Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân Trẻ Tỉnh Khánh Hòa.
 - Từ 2013 đến nay : Ủy viên Ban chấp hành Tỉnh Đoàn Khánh hòa.
 - Từ 2008 – 2011 : Thành viên HĐQT Công Ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.
 - Từ 2009 - 2012 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi.
- + Trình độ văn hóa: 12/12.
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

2. Ứng cử viên tham gia vào Ban Kiểm soát:

Bà NGUYỄN THÙY VÂN, sinh ngày: 17/11/1975.

- + Nơi sinh: Hà Nội.
- + Quốc tịch: Việt nam.
- + Địa chỉ cư trú hiện nay: 4 G Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
- + Số CMND: 022 944 191, Ngày cấp: 19/06/2010, Nơi cấp: Công An Tp. Hồ Chí Minh.

+ Quá trình công tác:

- Từ T11/1998 – T07/2000 : Nhân viên phòng Kế toán (kế toán tiết kiệm) Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Thị Nghè.
- Từ T07/2000 – T11/2001 : Nhân viên phòng Tín dụng Ngân hàng TMCP Nam Á – Hội sở.
- Từ T11/2001 – T12/2004 : Kế toán tín dụng Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Thị Nghè.
- Từ T12/2004 – T01/2008 : Kiểm tra viên Ngân hàng TMCP Nam Á – Hội sở.
- Từ T01/2008 – T04/2008 : Kiểm toán viên Ngân hàng TMCP Nam Á – Hội sở.
- Từ T04/2008 – T08/2008 : Chuyên viên Phòng Quản lý tín dụng Ngân hàng TMCP Nam Á – Hội sở.
- Từ T08/2008 – T07/2010 : Chuyên viên, Tổ trưởng Tổ quản lý rủi ro vận hành Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Nam Á – Hội sở.
- Từ T07/2010 – T01/2014 : Kiểm toán viên phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Nam Á – Hội sở.
- Từ T01/2014 đến nay : Phó Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Nam Á – Hội sở.

+ Trình độ văn hóa: 12/12.

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế khoa Quản trị kinh doanh và khoa Tài chính-Tiền tệ-Tín dụng.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Toàn



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

BẢN GIẢI TRÌNH

Về các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông lần thứ 23

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ tình hình thực tế hiện nay,

Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á kính trình Đại hội đồng cổ đông lần thứ 23 thông qua các nội dung của Điều lệ Ngân hàng Nam Á, Điều lệ này sẽ thay thế bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2003 và sửa đổi, bổ sung lần cuối tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ 20 năm 2012. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành bản Điều lệ mới:

Trong năm 2015, Ngân hàng Nam Á sẽ triển khai niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng trên sàn chứng khoán. Việc niêm yết này nhằm tăng giá trị thương hiệu, tiến tới việc minh bạch, công khai các hoạt động của Ngân hàng đồng thời gia tăng giá trị cổ tức cho các cổ đông.

Hiện nay, Ngân hàng Nam Á đã có đủ điều kiện và đang tiến hành hoàn tất thủ tục để được Ngân hàng Nhà nước và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép niêm yết trên sàn chứng khoán. Để có được hành lang pháp lý đối với một công ty đại chúng, Ngân hàng Nam Á cần phải xây dựng bản Điều lệ phù hợp với quy định đặc thù của tổ chức tín dụng và công ty được phép niêm yết trên sàn chứng khoán.

Bản Điều lệ mới này được xây dựng dựa trên những quy định hiện hành của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Bản Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và các văn bản có liên quan.

II. Nguyên tắc xây dựng bản Điều lệ:

1. Phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Bản Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC, Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật doanh nghiệp năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015) và các quy định pháp luật liên quan.

2. Đơn giản, cụ thể, rõ ràng phù hợp với các quy định pháp luật về hoạt động của tổ chức tín dụng để tạo điều kiện cho các cổ đông dễ thực hiện và cơ quan quản lý thuận lợi trong việc quản lý, thanh tra, giám sát.



3. Phù hợp với định hướng phát triển của hệ thống các công ty đại chúng cũng như các tổ chức tín dụng.
4. Các quy định sửa đổi, bổ sung được Ban soạn thảo *in nghiêng* để các cổ đông tiện theo dõi.

III. Bố cục của Bản Điều lệ:

Bản Điều lệ mới bao gồm 24 Mục và 94 Điều, cụ thể như sau:

1. Mục I: có 01 Điều giải thích về các thuật ngữ trong Điều lệ
2. Mục II: có 01 Điều giới thiệu về Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Ngân hàng Nam Á.
3. Mục III: có 02 Điều quy định về Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Ngân hàng Nam Á.
4. Mục IV: có 12 Điều quy định về Nội dung hoạt động
5. Mục V: có 03 Điều quy định về Vốn điều lệ và vốn hoạt động.
6. Mục VI: có 06 Điều quy định về Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông, cổ đông lớn và cổ đông sáng lập.
7. Mục VII: có 01 Điều quy định về Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.
8. Mục VIII: có 17 Điều quy định về Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông.
9. Mục XI: có 05 Điều quy định về Điều khoản chung của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
10. Mục X: có 03 Điều quy định về Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác.
11. Mục XI: có 08 Điều quy định về Hội đồng quản trị.
12. Mục XII: có 03 Điều quy định về Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác.
13. Mục XIII: có 05 Điều quy định về Ban Kiểm soát.
14. Mục XIV: có 03 Điều quy định về Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á.
15. Mục XV: có 01 Điều quy định về Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ ngân hàng.
16. Mục XVI: có 01 Điều quy định về Người lao động và công đoàn.
17. Mục XVII: có 01 Điều quy định về Phân chia lợi nhuận.
18. Mục XVIII: có 07 Điều quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quỹ dự trữ, năm tài chính, hệ thống kế toán.
19. Mục XIX: có 02 Điều quy định về Báo cáo hàng năm, trách nhiệm cung cấp thông tin, thông báo ra công chúng.
20. Mục XX: có 01 Điều quy định về Kiểm toán ngân hàng.
21. Mục XXI: có 01 Điều quy định về Con dấu.
22. Mục XXII: có 04 Điều quy định về Chấm dứt hoạt động và thanh lý.
23. Mục XXIII: có 01 Điều quy định về Giải quyết tranh chấp nội bộ.

24. Mục XXIV: có 02 Điều quy định về Thông tin và bảo mật.

25. Mục XXV: có 01 Điều quy định về Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

26. Mục XXVI: có 01 Điều quy định về Ngày hiệu lực.

IV. Tóm tắt một số nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng:

STT	Điều khoản	Nội dung	Diễn giải
1	Điểm e khoản 1 Điều 1	“Luật doanh nghiệp 2014” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015).	Tại các dẫn chiếu các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 (đang còn hiệu lực) Ban soạn thảo có chú thích các dẫn chiếu tương tự đến quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 để tránh tình trạng phải sửa đổi các quy định này khi Luật Doanh nghiệp 2005 hết hiệu lực.
2	Điểm u khoản 1 Điều 1	Quy định về “Người có liên quan”.	Quy định này được sửa đổi và dẫn chiếu đến quy định tại khoản 15 Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3	Điều 19	Chỉnh sửa về “Vốn hoạt động của Ngân hàng Nam Á”.	Sửa đổi, bổ sung theo nội dung Điều 9 Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
4	Khoản 7 Điều 20	Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Ngân hàng Nam Á, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng	Phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 5 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC



		ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.	của Bộ Tài chính.
5	Điều 21	Quy định về “Giới hạn sở hữu cổ phần”.	Sửa đổi phù hợp tại Điều 55 – Tỷ lệ sở hữu cổ phần (Luật các tổ chức tín dụng 2010).
6	Khoản 4 Điều 22	Điều chỉnh như sau: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nam Á hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Ngân hàng Nam Á, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Ngân hàng Nam Á chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 6 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
7	Khoản 2 Điều 4	Điều chỉnh như sau: Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
8	Điều 25	Bổ sung điều khoản riêng về việc “Thu hồi cổ phần”	Phù hợp quy định tại Điều 9 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
9	Điều 28	Bổ sung một số quyền hạn của cổ đông như: - Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng Nam Á trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng Nam Á; - Thực hiện bỏ phiếu từ xa; - Yêu cầu Ngân hàng Nam Á mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp; - Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.	Việc bổ sung các nội dung này phù hợp với quy định tại Điều 11 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính. Đối với khái niệm “bỏ phiếu từ xa”, được hiểu là việc mỗi cổ đông sẽ được cấp một tài khoản và mật mã (account và password)

			riêng. Các cổ đông thực hiện toàn bộ quyền bằng tài khoản và mật mã riêng, việc này sẽ giúp doanh nghiệp biết được có bao nhiêu cổ đông đi họp trực tiếp để chuẩn bị địa điểm tổ chức thích hợp, mọi việc biểu quyết, nhận hồ sơ...đều làm từ xa trên mạng internet. Hiện nay Ngân hàng Nam Á đang nghiên cứu việc thực hiện bỏ phiếu từ xa để có thể tiến hành thực hiện trong các kỳ Đại hội cổ đông sắp tới.
10	Khoản 1 Điều 31	Bổ sung một số trường hợp Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: - Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2005 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình. - Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.	Phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
11	Điều 35	Bổ sung điều khoản về việc “Thay đổi các quyền” liên quan đến cổ phần ưu đãi.	Phù hợp quy định tại Điều 16 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
12	Khoản 2 Điều 36	a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng Nam Á.	Phù hợp khoản 3 Điều 17 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính và Điều 139 Luật doanh nghiệp năm 2014.

		<p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nam Á. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>b. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. <p>c. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm b khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nam Á. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p>	
13	Từ Điều 37 đến Điều 39	<p>Trên cơ sở các quy định của Điều 33 và Điều 34 của Điều lệ hiện hành để tách ra thành 03 Điều riêng biệt, trong đó bổ sung và điều chỉnh một số nội dung, bảo đảm phù hợp và tuân thủ các quy định của Điều lệ mẫu, Luật các tổ chức tín dụng và Luật doanh nghiệp năm 2014:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 37: Các Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông. - Điều 38: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. - Điều 39: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 	<p>Phù hợp với các quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ Điều 18 đến Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính; + Khoản 3 Điều 59 Luật các tổ chức tín dụng; + Điều 141 đến Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2014.
14	Khoản 3 Điều 43	<p>Bổ sung nội dung liên quan đến việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>
15	Điều 51	<p>Bổ sung một số quy định về Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.</p>	<p>Phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu ban hành</p>

			Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
16	Khoản 8, khoản 9 Điều 52	<p>Bổ sung một số quy định về biểu quyết đề cử thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. - Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Ngân hàng Nam Á quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng Nam Á. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 	Phù hợp quy định tại Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
17	Điều 57	<p>Bổ sung một số quy định về “Cuộc họp của Hội đồng quản trị”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng Nam Á. - Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: <ul style="list-style-type: none"> a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này</p>	

		<p>là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>- Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	
18	Điều 73	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về “Cổ tức”:</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Ngân hàng Nam Á.</p> <p>- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng Nam Á đồng thời phải phù hợp quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.</p> <p>- Ngân hàng Nam Á không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>- Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p>	<p>Phù hợp quy định tại Điều 39 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Ngân hàng Nam Á phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Ngân hàng Nam Á đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Ngân hàng Nam Á không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Ngân hàng Nam Á chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. - Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. - Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. 	
19	Điều 81	<p>Bổ sung một số quy định về Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng Nam Á phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh. - Ngân hàng Nam Á phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. - Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Ngân hàng Nam Á phải được công bố trên website của Ngân hàng Nam Á. - Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của 	Phù hợp quy định tại Điều 43 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

	Ngân hàng Nam Á, tại trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
--	---	--

Trên đây là giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng của Bản Điều lệ Ngân hàng Nam Á. Kính trình Đại hội đồng cổ đông lần thứ 23 thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NAM Á
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

(Handwritten signature)

Nguyễn Quốc Toàn

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nam Á) là ngân hàng thương mại được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nam Á được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của NHNN và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng Nam Á quyết định thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày tháng năm 2015.

Mục I. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Địa bàn kinh doanh” là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của NHNN mà tại đó Ngân hàng Nam Á được thiết lập địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
- b. “Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 17 Điều lệ này.
- c. “Cổ tức” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Ngân hàng Nam Á để trả cho mỗi cổ phần.
- d. “Luật doanh nghiệp 2005” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- e. “*Luật doanh nghiệp 2014*” có nghĩa là *Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015)*.
- f. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Ngân hàng Nam Á được NHNN Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- g. “Cổ đông sáng lập” có nghĩa là người tham gia vào việc thông qua Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng.
- h. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
- i. “Luật các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010.
- j. “Vốn pháp định” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của luật pháp để thành lập Ngân hàng.
- k. “Cổ đông lớn” của Ngân hàng Nam Á là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng Nam Á.
- l. “Người điều hành ngân hàng” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh.

- m. “NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam.
- n. “Cổ phần” là Vốn Điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
- o. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Ngân hàng Nam Á phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng Nam Á.
- p. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng Nam Á và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng Nam Á với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.
- q. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN.
- r. “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời gian Ngân hàng Nam Á được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng Nam Á có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.
- s. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- t. “Người quản lý ngân hàng” bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
- u. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 15 Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- v. “Công ty con” của Ngân hàng Nam Á là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- v1. Ngân hàng Nam Á hoặc Ngân hàng Nam Á và người có liên quan của Ngân hàng Nam Á sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
- v2. Ngân hàng Nam Á có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
- v3. Ngân hàng Nam Á có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
- v4. Ngân hàng Nam Á và người có liên quan của Ngân hàng Nam Á trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
- w. “Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.
- x. “Mức cổ phần trọng yếu” là mức cổ phần chiếm từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng Nam Á.
- y. “Tổ chức lại ngân hàng” là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại và chuyển đổi ngân hàng.
- z. “Nghị định 59” là Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại.

aa. “Vốn tự có” gồm giá trị thực của vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của NHNN.

bb. “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của Ngân hàng Nam Á thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư.

cc. “Công ty liên kết” của Ngân hàng Nam Á là công ty trong đó Ngân hàng Nam Á hoặc Ngân hàng Nam Á và người có liên quan của Ngân hàng Nam Á sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng Nam Á.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Mục II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Ngân hàng Nam Á

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng Nam Á được phép hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22 tháng 08 năm 1992 do Thống đốc NHNN cấp, Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 01/09/1992 của Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300872315 đăng ký lần đầu ngày 01/9/1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG NAM Á
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : NAM A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh : NAM A BANK

2. Ngân hàng Nam Á là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng Nam Á là:

- Địa chỉ : 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, phường 4, quận 3, TP. HCM.
- Điện thoại : (84.8) 3 929 6699
- Fax : (84.8) 3 929 6688
- Email : namabank@namabank.com.vn
- Website : www.namabank.com.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Nam Á.

5. Ngân hàng Nam Á có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng Nam Á phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

8. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng Nam Á bắt đầu từ ngày thành lập và là 99 (chín mươi chín) năm.

Mục III. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Ngân hàng Nam Á

Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng Nam Á

1. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng Nam Á là hoạt động ngân hàng; hoạt động trung gian tiền tệ khác; kinh doanh mua bán vàng miếng; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng Nam Á.

2. Mục tiêu của Ngân hàng Nam Á là xây dựng và phát triển một cách bền vững một ngân hàng thương mại nhằm đạt lợi nhuận góp phần phát triển kinh tế xã hội đất nước, bảo đảm cổ tức cho cổ đông và cuộc sống của nhân viên Ngân hàng Nam Á. Cụ thể như sau:

a. Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng thương mại với chất lượng cao theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế để chiếm lĩnh được thị phần trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

b. Phát triển mạng lưới chi nhánh và các đơn vị trực thuộc trong nước, mạng lưới chi nhánh hoặc đại lý ở nước ngoài theo đúng các thủ tục và quy định của NHNN và pháp luật;

c. Gia tăng vốn điều lệ phù hợp với quy mô phát triển hoạt động của ngân hàng trên các lĩnh vực trong từng thời kỳ;

d. Tiếp thu và cải tiến không ngừng về cơ sở vật chất, từng bước hiện đại hóa máy móc, thiết bị, quy trình thích ứng với việc truyền tải và nắm bắt thông tin trong quản lý, giao dịch;

e. Đào tạo đội ngũ chuyên gia và nhân viên Ngân hàng Nam Á tinh thông nghiệp vụ, có tư cách đạo đức, chủ động sáng tạo trong công việc, và ân cần, tập trung phục vụ khách hàng, luôn cầu tiến học tập và phát huy cái mới, cái tốt.

3. Các mục tiêu khác trong quá trình phát triển của Ngân hàng Nam Á (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần được NHNN chấp thuận thì Ngân hàng Nam Á chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Ngân hàng Nam Á được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Ngân hàng Nam Á.

2. Ngân hàng Nam Á có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Mục IV. Nội dung hoạt động

Điều 5. Huy động vốn

Ngân hàng Nam Á huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác;
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;
3. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
4. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn;
5. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Hoạt động tín dụng

Ngân hàng Nam Á cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức sau đây:

1. Cho vay;
2. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
3. Bảo lãnh ngân hàng;
4. Phát hành thẻ tín dụng;
5. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
6. Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.

Điều 7. Các thể loại cho vay

Ngân hàng Nam Á cho các tổ chức, cá nhân vay vốn *theo các thể loại ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống và các dự án đầu tư phát triển.*

Điều 8. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

1. Ngân hàng Nam Á được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay; có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.

2. Ngân hàng Nam Á có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Nam Á được miễn, giảm lãi suất cho vay, phí ngân hàng; gia hạn nợ; mua bán nợ theo Quy chế của Ngân hàng Nam Á phù hợp với quy định của NHNN.

Điều 9. Bảo lãnh

1. Ngân hàng Nam Á bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của NHNN.
2. Ngân hàng Nam Á được phép thực hiện thanh toán quốc tế, thực hiện bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác mà người nhận bảo lãnh là tổ chức cá nhân nước ngoài theo quy định của NHNN.

Điều 10. Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác

1. Ngân hàng Nam Á được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác theo quy định pháp luật hiện hành. Người chủ sở hữu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác phải chuyển giao ngay mọi quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ các giấy tờ đó cho Ngân hàng Nam Á.
2. Ngân hàng Nam Á được cấp tín dụng dưới hình thức nhận cầm cố công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác theo quy định pháp luật hiện hành. Ngân hàng Nam Á được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh trong trường hợp chủ sở hữu các giấy tờ đó không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng tín dụng.
3. Ngân hàng Nam Á được tái chiết khấu, cầm cố công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành.
4. Ngân hàng Nam Á có thể được NHNN tái chiết khấu và cho vay trên cơ sở cầm cố công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 11. Công ty cho thuê tài chính

Ngân hàng Nam Á thành lập Công ty cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tài khoản tiền gửi của Ngân hàng Nam Á

1. Ngân hàng Nam Á mở tài khoản tiền gửi tại Sở giao dịch NHNN, NHNN chi nhánh TP.HCM và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ theo quy định của NHNN; mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
2. Chi nhánh của Ngân hàng Nam Á mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở.
3. Ngân hàng Nam Á mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1. Ngân hàng Nam Á thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:
 - a. Cung ứng các phương tiện thanh toán;

- b. Cung ứng các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng;
- c. Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN;
- d. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế khi được NHNN chấp thuận;
- e. Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.

2. Ngân hàng Nam Á tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước khi được NHNN cho phép.

Tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận.

Điều 14. Các hoạt động khác

Ngân hàng Nam Á thực hiện các hoạt động khác sau đây:

1. Dùng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

2. Góp vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Ngân hàng Nam Á được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

4. Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng Nam Á được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:

a. Ngoại hối;

b. Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

5. Ngân hàng Nam Á được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN.

6. Ngân hàng Nam Á thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

b. Cho thuê tài chính;

c. Bảo hiểm.

7. Cung ứng các dịch vụ:

a. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

- b. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- c. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- d. Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- e. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

8. Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

9. Ngân hàng Nam Á được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.

10. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 6 và khoản 8 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng Nam Á theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.

Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng Nam Á thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Bất động sản

Ngân hàng Nam Á không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nam Á;

2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng Nam Á;

3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng Nam Á phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 140 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 16. Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng Nam Á tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản “có” và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục V. Vốn điều lệ và vốn hoạt động

Điều 17. Vốn điều lệ

1. *Vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á là 3.000.000.000.000 đồng (ba nghìn tỷ đồng).*

Tổng số vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á được chia thành 300.000.000 (ba trăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

3. Ngân hàng Nam Á đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

4. Ngân hàng Nam Á không sử dụng vốn điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các cổ đông của chính Ngân hàng Nam Á.

5. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:

a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng Nam Á không quá tỷ lệ quy định của NHNN.

b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;

c. Thành lập công ty con theo quy định của pháp luật;

d. Cho vay;

e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thay đổi Vốn Điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á (tăng hoặc giảm) được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á có thể được tăng từ các nguồn sau:

a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

b. Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;

c. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

d. Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm;

e. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi Vốn Điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Sau khi đã thay đổi mức vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của NHNN, Ngân hàng Nam Á thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới (sau khi tăng hoặc giảm).

Chậm nhất sau 05 (năm) ngày, Ngân hàng Nam Á gửi bản sao văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ mới (bản sao có xác nhận của *tổ chức hành nghề công chứng*) và gửi kèm danh sách cổ đông sau khi thực hiện thay đổi vốn điều lệ cho NHNN (Vụ các Ngân hàng và NHNN Chi nhánh TP.HCM); đồng thời thực hiện việc đăng báo Trung ương, địa phương về việc thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của NHNN và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á.

6. Xử lý thay đổi vốn điều lệ trong trường hợp Ngân hàng Nam Á phải giảm vốn điều lệ:

a. Các trường hợp buộc phải giảm vốn điều lệ:

i. Lỗi trong 3 (ba) năm liên tiếp: Ngân hàng Nam Á quyết định giảm vốn điều lệ tương ứng với số lỗ lũy kế đến năm thứ 3 (ba);

ii. Các khoản vốn đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hoặc quyết định là tổn thất trong hoạt động sau khi đã xử lý trích lập dự phòng rủi ro;

iii. Số vốn góp có nguồn gốc không hợp pháp hoặc người góp vốn không đảm bảo tư cách cổ đông theo kết luận của Thanh tra;

iv. Giảm giá tài sản cố định khi đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật.

b. Trong các trường hợp nêu tại điểm a khoản 6 Điều này, Ngân hàng Nam Á tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đưa ra Đại hội đồng cổ đông thường niên để quyết định biện pháp xử lý giảm vốn điều lệ sau khi đã xử lý bằng các biện pháp tài chính khác (như sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để bù đắp; góp thêm vốn để xử lý...) mà vẫn không khắc phục được. Việc giảm vốn điều lệ gắn liền với việc giảm mệnh giá hoặc giảm số lượng cổ phần hoặc đồng thời cả hai hình thức này.

c. Trường hợp số vốn điều lệ sau khi giảm thấp hơn mức vốn pháp định và trong thời hạn 06 tháng mà Ngân hàng Nam Á không có giải pháp khắc phục, NHNN xử lý theo quy định hiện hành đối với tổ chức tín dụng không đủ mức vốn pháp định.

7. Mua lại cổ phần làm giảm vốn điều lệ:

a. Ngân hàng Nam Á chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản.

b. Điều kiện để Ngân hàng Nam Á được mua lại cổ phần:

i. Các điều kiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59;

ii. Kinh doanh liên tục có lãi trong hai năm liền kề năm đề nghị mua lại cổ phần và không có lỗ lũy kế;

iii. Không bị NHNN xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong hai năm gần nhất đến thời điểm đề nghị NHNN chấp thuận việc mua lại cổ phần.

iv. Các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

v. Có đủ nguồn vốn để mua lại cổ phiếu căn cứ vào báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán. Trường hợp Ngân hàng Nam Á là công ty mẹ thì Ngân hàng Nam Á phải đảm bảo đủ nguồn vốn thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Ngân hàng Nam Á trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

Điều 19. Vốn hoạt động của Ngân hàng Nam Á gồm các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:

- a. *Vốn điều lệ;*
- b. *Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;*
- c. *Thặng dư vốn cổ phần;*
- d. *Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính;*
- e. *Lợi nhuận chưa phân phối;*
- f. *Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

2. Vốn huy động:

- a. *Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;*
- b. *Vốn nhận ủy thác đầu tư;*
- c. *Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước;*
- d. *Vốn vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*
- e. *Phát hành các giấy tờ có giá.*

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Mục VI. Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông, cổ đông lớn và cổ đông sáng lập

Điều 20. Cổ phần, Cổ đông

1. Mệnh giá mỗi cổ phần của Ngân hàng Nam Á là 10.000 VNĐ (mười nghìn Việt Nam đồng).

2. Ngân hàng Nam Á có ít nhất 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng Nam Á theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các loại cổ phần, cổ đông:

a. *Cổ phần của ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển thành cổ phần ưu đãi.*

b. Ngân hàng có thể phát hành cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Cổ phần của Ngân hàng Nam Á có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ của Ngân hàng Nam Á và theo các quy định của pháp luật.

5. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng Nam Á và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật doanh nghiệp 2005¹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

i. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

ii. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Ngân hàng Nam Á;

iii. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

iv. Các trường hợp khác với mức chiết khấu do Hội đồng quản trị quyết định.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Ngân hàng Nam Á, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá. Khi thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, Ngân hàng Nam Á phải thực hiện theo quy định sau đây:

a. Ngân hàng Nam Á phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Ngân hàng Nam Á; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Nam Á. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Ngân hàng Nam Á phát hành.

c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

¹ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Điều 36, Điều 37 Luật Doanh nghiệp 2014

8. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp 2005² được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Ngân hàng Nam Á.

9. Sau khi cổ phần được bán, Ngân hàng Nam Á phát hành và trao cổ phiếu cho người mua.

Ngân hàng Nam Á có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp 2005 được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng Nam Á.

10. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng Nam Á đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Ngân hàng mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định theo pháp luật hiện hành, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

11. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 21. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ các trường hợp sau đây:

a. Sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 149 của Luật các tổ chức tín dụng để xử lý tổ chức tín dụng gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;

b. Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;

c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật các tổ chức tín dụng.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.

4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

Điều 22. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Ngân hàng Nam Á được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Ngân hàng Nam Á và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Nam Á theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và

² Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014

loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- a. Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á;
 - b. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;
 - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
 - g. Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng Nam Á ;
 - h. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu.
3. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.

4. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nam Á hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Ngân hàng Nam Á, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Ngân hàng Nam Á chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

Các cổ phần do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các Cổ đông lớn sở hữu, Cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài phải được đăng ký theo quy định.

5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

6. Ngân hàng Nam Á có thể quản lý hộ cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Ngân hàng Nam Á cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Ngân hàng Nam Á .

7. Cổ phiếu của Ngân hàng Nam Á không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng Nam Á.

8. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới, Ngân hàng Nam Á phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.

Điều 23. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Ngân hàng Nam Á (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Nam Á.

Điều 24. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định trong Điều 27 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.

2. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện căn cứ theo các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định hướng dẫn thi hành. Hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được ủy quyền hợp pháp của những người này ký. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin tại điểm d khoản 1 Điều 27 của Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Ngân hàng Nam Á.

4. Trong trường hợp cổ đông chết thì việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông đó được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

5. Ngân hàng Nam Á chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Điều lệ của Ngân hàng Nam Á và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng Nam Á không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

7. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật các tổ chức tín dụng.

8. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:

a. Các giao dịch mua bán mức cổ phần trọng yếu (là các giao dịch mua bán cổ phần của cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên).

b. Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu trở thành không sở hữu cổ phần trọng yếu và ngược lại.

9. Ngân hàng Nam Á được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều kiện, thù tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng Nam Á; điều kiện đối với Ngân hàng Nam Á bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 25. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng Nam Á.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Mục VII. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Điều 26. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Ngân hàng Nam Á bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Mục VIII. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông

Điều 27. Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngân hàng Nam Á lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở của Ngân hàng Nam Á ;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d. *Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.*

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á. Định kỳ 06 tháng một lần, Ngân hàng Nam Á báo cáo bằng văn bản cho Chi nhánh NHNN TP.HCM biết nếu có sự thay đổi một trong những nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp cổ phiếu của Ngân hàng được đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán, việc theo dõi và quản lý cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng Nam Á và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. *Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng Nam Á trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng Nam Á.*

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền *hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa*; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng Nam Á;

d. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f. Khi Ngân hàng Nam Á giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Ngân hàng Nam Á *sau khi Ngân hàng Nam Á đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Ngân hàng Nam Á theo quy định của pháp luật;*

g. *Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành;*

h. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

i. Yêu cầu Ngân hàng Nam Á mua lại cổ phần của học trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thêm các quyền sau:

a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng Nam Á khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng Nam Á; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

i. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

ii. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

iii. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng Nam Á, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

e. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát quy định tại điểm d khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

b. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 29. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng Nam Á quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng Nam Á trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng Nam Á;

b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng Nam Á dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á, trừ trường hợp được Ngân hàng Nam Á hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Nam Á phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng Nam Á trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại Ngân hàng Nam Á;

d. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Ngân hàng Nam Á;

e. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

f. Bảo đảm bí mật thông tin về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á;

g. *Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;*

h. *Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;*

i. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

2. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng Nam Á dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng Nam Á.

3. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nam Á, trong trường hợp Ngân hàng Nam Á phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng Nam Á có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.

Điều 30. Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng Nam Á và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ này quy định, *đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo*. Các kiểm toán viên độc lập sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng Nam Á. Đại hội đồng cổ đông sẽ được coi là cần thiết phải triệu tập nếu Kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là cần thiết để thảo luận báo cáo kiểm toán hoặc tình trạng tài chính của Ngân hàng Nam Á và thông báo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu trên.

b. Tình hình tài chính của Ngân hàng Nam Á cho thấy Ngân hàng Nam Á bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN.

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát bị giảm quá một phần ba số thành viên hoặc không có đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp. *Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các cổ đông có liên quan hoặc văn bản kiến nghị được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.*

e. *Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2005³ hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.*

f. *Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.*

g. Theo yêu cầu của NHNN.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp *Đại hội đồng cổ đông* trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 1 Điều này.

³ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2014

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp 2005⁴.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp 2005⁵.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Ngân hàng Nam Á hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng Nam Á.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng Nam Á;
- b. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Nam Á;
- c. Thông qua Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á.
- e. Quyết định mức thù lao, tiền lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 125 Luật Doanh nghiệp 2005⁶; quyết định ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- f. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng Nam Á và cổ đông của Ngân hàng Nam Á;

⁴ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014

⁵ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014

⁶ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Điều 158, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2014

g. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

h. *Mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;*

i. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;

j. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng Nam Á;

k. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;

l. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng Nam Á với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng Nam Á; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng Nam Á; *doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Ngân hàng Nam Á sở hữu phần vốn góp hoặc doanh nghiệp mà người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Ngân hàng Nam Á sở hữu phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ;*

m. Quyết định thành lập con;

n. Quyết định tổ chức lại (*bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Ngân hàng Nam Á*); giải thể hoặc yêu cầu phá sản ngân hàng;

o. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng Nam Á;

p. Quyết định thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính; *thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;*

q. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

r. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng Nam Á có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng Nam Á.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về:

a. *Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 3 Điều 50 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;*

b. *Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.*

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 33. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất *ba mươi ngày* trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

Kể từ ngày 01/07/2015 (ngày Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực), Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 15 (mười lăm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. *Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.*

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

5. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền lại bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông, người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.

2. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; Họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh nhân dân của người được ủy quyền; Người ủy quyền và người được ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình.

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, Họ tên và số chứng minh nhân dân của người đại diện theo ủy quyền, họ tên và số chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật của cổ đông, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; Họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh nhân dân của người được ủy quyền; Người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân.

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền lựa chọn.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng Nam Á).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng Nam Á nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 35. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 37 (Các điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ) và Điều 39 (Thông qua quyết định ĐHĐCĐ) của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng Nam Á không bị thay đổi khi Ngân hàng Nam Á phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 36. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định khác được quy định tại Điều lệ này. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

c. Xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng Nam Á.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nam Á. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

b. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết;

- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

c. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm b khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nam Á. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

d. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Ngân hàng Nam Á; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng Nam Á chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Ngân hàng Nam Á và không phù hợp với các quy định của pháp luật;

d. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này.

5. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng *trình tự*, thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 37. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, *kể từ ngày 01/7/2015 tỷ lệ này là 51% theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2014.*

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, *kể từ ngày 01/7/2015 tỷ lệ này là 33% theo quy định tại Khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2014.*

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng Nam Á phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng Nam Á cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức

vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Ngân hàng Nam Á tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 39. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

b. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng Nam Á;

c. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á;

d. Báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

e. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng Nam Á và cổ đông của Ngân hàng Nam Á;

f. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản ngân hàng.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu:

a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

b. Được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) đối với các vấn đề sau:

i. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Nam Á;

ii. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

iii. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản ngân hàng (trường hợp này chỉ được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp như quy định tại điểm f Khoản 2 Điều này);

iv. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng Nam Á có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

v. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

vi. *Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Nam Á.*

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng Nam Á ngoại trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Điều lệ này. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự chấp thuận của các cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của Ngân hàng Nam Á.

2. Đề các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật.

b. *Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.*

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Doanh nghiệp 2005⁷.

c. Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định quyết định của Đại hội đồng cổ đông và trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn trả, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kết quả biểu quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông gửi cho NHNN chi nhánh TP.HCM và cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng Nam Á.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng Nam Á phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng Nam Á sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

d. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng Nam Á.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

⁷ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014
29/65

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 5 Điều 105 Luật Doanh nghiệp 2005⁸.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Ngân hàng Nam Á trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á.

Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Ngân hàng Nam Á trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định Điều 106 Luật Doanh nghiệp 2005⁹.

5. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

6. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á.

Điều 42. Báo cáo kết quả Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

Điều 43. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

⁸ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Khoản 5 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014

⁹ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định hiện hành của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 (chín mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Mục IX. Điều khoản chung của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 44. Quy định chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng Nam Á để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng Nam Á nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng Nam Á.

3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng Nam Á, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á.

4. Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng Nam Á phải được Thống đốc NHNN chuẩn y. Thủ tục, hồ sơ đề nghị chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm các chức danh này theo quy định của NHNN.

Điều 45. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Giám đốc Khối của Ngân hàng Nam Á:

a. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

c. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

d. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

e. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

f. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Nam Á;

g. Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng giám đốc của Ngân hàng Nam Á.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của Ngân hàng Nam Á:

a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;

c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

e. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng Nam Á;

f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng Nam Á.

3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng Nam Á.

Điều 46. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

b. Vi phạm quy định Điều 45 Điều lệ này;

c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt;

d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

e. Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- f. Ngân hàng Nam Á bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- g. Quyết định của Thống đốc NHNN chuẩn y các chức danh của nhiệm kỳ mới có hiệu lực;
- h. Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;
- i. Các trường hợp không được Thống đốc NHNN chuẩn y.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và h khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng Nam Á sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Chức danh được Thống đốc NHNN chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

- a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
- c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- d. Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị), Ban kiểm soát (đối với thành viên Ban kiểm soát) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định 59;
- f. Khi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng Nam Á xét thấy việc bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát là cần thiết;
- g. Khi Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á xét thấy việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc là cần thiết;
- h. Các trường hợp khác do Ngân hàng Nam Á quy định.

2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các

quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Chức danh đã được Thống đốc NHNN chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Ngân hàng Nam Á.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 48. Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát; người điều hành Ngân hàng Nam Á vi phạm quy định tại Điều 34 của Luật các tổ chức tín dụng, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành của Ngân hàng Nam Á bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

3. Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát; người điều hành Ngân hàng Nam Á có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng Nam Á hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Mục X. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác

Điều 49. Trách nhiệm cốt lõi

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng Nam Á và với mức độ cốt lõi mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lực

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Ngân hàng Nam Á với mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng Nam Á mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Các hợp đồng giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn các Luật) của Ngân hàng Nam Á với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:

a. Đối với hợp đồng giao dịch có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

b. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

4. Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 3 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng Nam Á phải có trách nhiệm bồi thường.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành ngân hàng không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng Nam Á hay của các công ty con khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

6. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng Nam Á hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng Nam Á.

7. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn Ngân hàng Nam Á với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng Nam Á.

8. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng Nam Á bị lỗ.

9. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng Nam Á hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành ngân hàng phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng Nam Á và các Quy chế nội bộ của Ngân hàng Nam Á trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Ngân hàng Nam Á bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Ngân hàng Nam Á là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Ngân hàng Nam Á ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Ngân hàng Nam Á với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Ngân hàng Nam Á, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á được Ngân hàng Nam Á bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Ngân hàng Nam Á là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng Nam Á;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Ngân hàng Nam Á có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục XI. Hội đồng quản trị

Điều 52. Thành phần và Nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất 05 (năm) thành viên và nhiều nhất 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Đại hội đồng cổ đông quy định số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể từng nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng Nam Á. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng Nam Á. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á phải được NHNN chuẩn y.

3. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á không được phép tham gia Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng Nam Á.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng Nam Á và của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Ngân hàng Nam Á.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

7. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:

a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng Nam Á;

b. Không làm thành viên Hội đồng quản trị đồng thời quá 02 (hai) tổ chức tín dụng tại Việt Nam;

c. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á.

8. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

9. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Ngân hàng Nam Á quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng Nam Á. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Ngân hàng Nam Á.

Điều 53. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Ngân hàng Nam Á phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Ngân hàng Nam Á trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Ngân hàng Nam Á và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng Nam Á;

3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, bộ phận kiểm toán nội bộ, chi nhánh, công ty con, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

4. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 của Điều lệ này;

5. Quyết định việc mở chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp;

6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ, Giám đốc chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

8. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng Nam Á tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;

9. Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% vốn tự có của Ngân hàng Nam Á trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;

10. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng Nam Á với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng Nam Á; các hợp đồng của Ngân hàng Nam Á với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;

11. *Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán Ngân hàng Nam Á và báo cáo kết quả thực hiện cho Đại hội đồng cổ đông;*

12. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN;

13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;

14. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng Nam Á phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông;

15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng Nam Á;

16. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng Nam Á theo quy định của pháp luật;

17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;

18. Trình Thống đốc NHNN chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật;

19. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng Nam Á;

20. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

21. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Nam Á;

22. Quyết định mua lại cổ phần của ngân hàng theo quy định pháp luật;

23. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

24. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

25. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;

26. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định;

27. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị;

28. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng Nam Á từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng Nam Á quy định tại điểm r khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;

29. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm l khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;

30. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

31. *Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng Nam Á bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.*

Điều 54. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật và có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- g. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung;
- i. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Ngân hàng Nam Á. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán;

j. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng Nam Á, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng Nam Á theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á;
- b. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng Nam Á;
- c. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo;
- d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- e. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc họp Hội đồng quản trị phiên bất thường theo quy định của pháp luật;
- f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn

đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;

g. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị;

h. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;

Các thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và những thành viên này không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình (trừ trường hợp ủy quyền tham dự họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 7 Điều 57 của Điều lệ này).

3. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 55. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng Nam Á, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng Nam Á và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Ngân hàng Nam Á.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 56. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội

đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Nam Á, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

5. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

6. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 57. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Cuộc họp thường kỳ: Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.

3. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chiếm trên 10% vốn điều lệ;

g. Giám đốc NHNN chi nhánh TP.HCM.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm b, c, d, đ, e của khoản 3 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN chi nhánh TP.HCM và tiến hành họp Hội đồng quản trị để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, bầu một thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Chủ tịch, trình NHNN chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Nếu Hội đồng quản trị không đủ túc số để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Ngân hàng Nam Á.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng Nam Á hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.

6. Thông báo và Chương trình họp: *Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.* Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu bầu cho Hội đồng quản trị trước khi họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng Nam Á.

7. Yêu cầu số lượng thành viên tham dự: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được 100% số thành viên Hội đồng quản trị dự họp chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.

Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng quản trị lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. *Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.* Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm 7b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng Nam Á.

c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp 2005¹⁰ sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng Nam Á và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng Nam Á, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất là 51% thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.

11. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất là 51% (năm mươi một phần trăm) các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

12. Biên bản: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp ký tên hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho

¹⁰ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014

các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng Nam Á.

Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

13. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các Cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

14. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng Nam Á.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

16. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 58. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của Ngân hàng Nam Á để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị có các nhân viên giúp việc chuyên trách và quy định cụ thể con số, nhiệm vụ của mỗi nhân viên giúp việc.

Điều 59. Thư ký

Hội đồng quản trị có thể có thư ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng quản trị có quyền bãi nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký và Ngân hàng Nam Á. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng thư ký; chức năng, nhiệm vụ của thư ký bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

2. Tham dự và ghi biên bản cuộc họp;

3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

5. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

6. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

Mục XII. Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác

Điều 60. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Ngân hàng Nam Á phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Ngân hàng Nam Á có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp pháp.

Điều 61. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Ngân hàng Nam Á được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Ngân hàng Nam Á do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Ngân hàng Nam Á đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 62. Tổng Giám đốc

1. Điều hành hoạt động Ngân hàng Nam Á là Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số thành viên của mình hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng Giám đốc. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại báo cáo năm của Ngân hàng Nam Á. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng Nam Á .

4. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, *nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 03 (ba) năm và có thể tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.*

5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng Nam Á;

b. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp khác.

Điều 63. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, sau khi đã được NHNN Chi nhánh TP.HCM có văn bản chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Điều lệ này, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng quản trị phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động Ngân hàng Nam Á để đảm bảo Ngân hàng Nam Á hoạt động ổn định, liên tục và có Văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và NHNN chi nhánh TP. HCM. Người được cử điều hành Ngân hàng Nam Á phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại khoản 3 Điều này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục đề nghị Thống đốc NHNN bổ nhiệm hoặc chuẩn y việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.

5. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ Ngân hàng Nam Á, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 45

Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi NHNN chi nhánh TP.HCM giải quyết theo quy định hiện hành.

6. Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được NHNN chuẩn y, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Ngân hàng Nam Á.

Điều 64. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 116 Luật Doanh nghiệp 2005¹¹, cụ thể như sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng Nam Á mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng Nam Á;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Ngân hàng Nam Á;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh điều hành của Ngân hàng Nam Á, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có) và thưởng của người lao động theo thẩm quyền;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức, sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng Nam Á;
 - i. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng Nam Á theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng Nam Á, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng Nam Á và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng Nam Á thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng Nam Á.
2. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thông kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
3. Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
4. Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng Nam Á theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

¹¹ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Khoản 3, khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2014

5. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

6. Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng Nam Á nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Nam Á trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

7. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

8. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

9. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng Nam Á theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng Nam Á.

10. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Ngân hàng Nam Á cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

11. Vào ngày hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

12. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Ngân hàng Nam Á;

13. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Ngân hàng Nam Á (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Ngân hàng Nam Á theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Ngân hàng Nam Á;

14. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Ngân hàng Nam Á, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

Mục XIII. Ban Kiểm soát

Điều 65. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Ban Kiểm soát có số thành viên tối thiểu là 03 (ba) người và ít nhất có một nửa số thành viên là chuyên trách.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Nam Á là 03 thành viên và ít nhất có một nửa số thành viên là chuyên trách.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng Nam Á và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng Nam Á. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên Ban Kiểm soát làm việc thường trực giữa các kỳ họp của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công.

Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác.

Ban Kiểm soát quy định cụ thể cơ chế làm việc và nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên chuyên trách.

4. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng Nam Á hoặc công ty con của Ngân hàng Nam Á hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng Nam Á là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành tại Ngân hàng Nam Á.

c. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Ngân hàng Nam Á.

5. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

6. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Ngân hàng Nam Á quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng Nam Á. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách

nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

2. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á trong quản trị, điều hành Ngân hàng Nam Á; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;

c. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng Nam Á để thực hiện nhiệm vụ được giao;

d. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng Nam Á, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

e. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng Nam Á khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á;

f. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý ngân hàng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng Nam Á và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng Nam Á; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;

g. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng Nam Á;

h. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2005¹² hoặc vượt quá thẩm quyền được giao;

i. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

j. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

¹² Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2014

k. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Ngân hàng Nam Á với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Ngân hàng Nam Á nếu thấy cần thiết;

l. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

m. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Người quản lý Ngân hàng Nam Á;

n. Xem xét báo cáo của Ngân hàng Nam Á về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

o. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Người quản lý Ngân hàng Nam Á.

Điều 67. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều này và điểm h khoản 2 Điều 66 của Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng Nam Á;

b. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật;

c. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;

d. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;

e. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng Nam Á;

f. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;

g. Giám sát, chi đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;

h. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

i. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

j. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

k. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

1. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng Nam Á và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng Nam Á và cổ đông;

b. Bầu Trưởng Ban Kiểm soát;

c. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường;

d. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;

e. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng Nam Á cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

f. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;

g. Hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 66 Điều lệ này;

h. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;

i. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết;

j. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

3. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành ngân hàng phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Nam Á theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 68. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Ban Kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 46 và Điều 47 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm Soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm Soát, các thành viên Ban Kiểm Soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm Soát để bầu một thành viên Ban Kiểm Soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm Soát. Trường hợp không có thành viên Ban Kiểm Soát là cổ đông, các thành viên Ban Kiểm Soát còn lại cử một thành viên đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban Kiểm Soát và đề nghị Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 60 ngày (kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm Soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát trong số các cổ đông của Ngân hàng Nam Á thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban Kiểm Soát.

3. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban Kiểm soát còn lại không phải là cổ đông, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban Kiểm soát), Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định số thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Ngân hàng Nam Á và bầu thành viên Ban Kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng Nam Á, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban Kiểm soát.

4. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

5. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Nam Á, trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

7. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 69. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

2. Cuộc họp Bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;

- c. Trưởng Ban Kiểm soát;
- d. Ít nhất hai thành viên Ban Kiểm soát;
- e. Tổng Giám đốc;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chiếm trên 10% vốn điều lệ;
- g. Giám đốc NHNN chi nhánh TP. HCM.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, đ, e của khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN chi nhánh TP.HCM và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình NHNN chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng Nam Á .

5. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

6. Yêu cầu số thành viên tham dự: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Biểu quyết:

a. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

d. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong *khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp 2005*¹³ sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

8. Tuyên bố quyền lợi:

Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng Nam Á phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số:

Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất là 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ toạ cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

10. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất là 51% (năm mươi một phần trăm) số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

11. Biên bản:

Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ toạ cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Mục XIV. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á

Điều 70. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á

¹³ Từ ngày 01/7/2015: Áp dụng Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014
56/65

Tùy theo loại hình hoạt động và theo quy định của NHNN, Ngân hàng Nam Á được thành lập:

a. Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính;

b. Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.

Mục XV. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ ngân hàng

Điều 71. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. *Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này được quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, có yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng Nam Á và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện (bản chính hoặc bản sao có công chứng).*

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành ngân hàng có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng Nam Á, *sổ đăng ký cổ đông*, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng Nam Á vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. *Ngân hàng Nam Á phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.*

4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Điều lệ sẽ được công bố trên trang web của Ngân hàng Nam Á.

Mục XVI. Người lao động và công đoàn

Điều 72. Người lao động và công đoàn

1. *Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.*

2. *Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Ngân hàng Nam Á với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Ngân hàng Nam Á và quy định pháp luật hiện hành.*

Mục XVII. Phân chia lợi nhuận

Điều 73. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Ngân hàng Nam Á.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng Nam Á đồng thời phải phù hợp quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.

3. Ngân hàng Nam Á không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Ngân hàng Nam Á phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Ngân hàng Nam Á đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Ngân hàng Nam Á không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Ngân hàng Nam Á chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục XVIII. Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quỹ dự trữ, năm tài chính, hệ thống kế toán

Điều 74. Hệ thống kiểm soát nội bộ

Ngân hàng Nam Á thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á, được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Nam Á được thiết lập để bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

c. Tuân thủ pháp luật và quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng Nam Á.

3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Nam Á phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.

Điều 75. Kiểm toán nội bộ

1. Ngân hàng Nam Á thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nam Á.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng Nam Á; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng Nam Á hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á

Điều 76. Chế độ Tài chính

1. Ngân hàng Nam Á chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng Nam Á .

Điều 77. Sử dụng Vốn

1. Ngân hàng Nam Á được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Nam Á được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Nam Á được điều động vốn và tài sản giữa các công ty con có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 78. Các Quỹ Dự trữ

1. Ngân hàng Nam Á được trích lập các quỹ sau:

a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á;

b. Quỹ dự phòng tài chính;

c. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;

d. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;

e. Quỹ khen thưởng;

f. Quỹ phúc lợi.

2. Ngân hàng Nam Á không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông.

Điều 79. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng Nam Á tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 80. Kế toán và Thuế

1. Ngân hàng Nam Á thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Năm tài chính của Ngân hàng Nam Á bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

3. Ngân hàng Nam Á lập sổ sách kế toán theo loại hình kinh doanh bằng tiếng Việt. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.

4. *Chế độ kế toán Ngân hàng Nam Á sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. Ngân hàng Nam Á thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định*

Mục XIX. Báo cáo hàng năm, trách nhiệm cung cấp thông tin, thông báo ra công chúng

Điều 81. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Ngân hàng Nam Á lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc NHNN.

2. *Ngân hàng Nam Á phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.*

3. Báo cáo tài chính của Ngân hàng Nam Á bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Ngân hàng Nam Á trong năm tài chính và tình hình các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nam Á cho đến thời điểm lập báo cáo.

Ngân hàng Nam Á có công ty con thì phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.

4. Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng Nam Á báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:

a. Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của ngân hàng;

b. Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.

5. Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng Nam Á có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.

6. Ngân hàng Nam Á phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Ngân hàng Nam Á phải được công bố trên website của Ngân hàng Nam Á.

8. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Ngân hàng Nam Á, tại trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 82. Báo cáo thường niên

Ngân hàng Nam Á phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục XX. Kiểm toán ngân hàng

Điều 83. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Ngân hàng Nam Á cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Ngân hàng Nam Á phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng Nam Á sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Ngân hàng Nam Á và phải chuẩn bị Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Ngân hàng Nam Á.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Ngân hàng Nam Á được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng Nam Á được thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

7. Trong quá trình kiểm toán, Ngân hàng Nam Á có trách nhiệm:

- a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán;
- b. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán.

8. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải hợp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.

Mục XXI. Con dấu

Điều 84. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Ngân hàng Nam Á và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục XXII. Chấm dứt hoạt động và thanh lý

Điều 85. Báo cáo và Kiểm soát Đặc biệt

1. Trong trường hợp Ngân hàng Nam Á có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Ngân hàng Nam Á phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.
2. Ngân hàng Nam Á có thể bị NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:
 - a. Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
 - b. Nợ không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán; hoặc
 - c. Khi số lỗ lũy kế của Ngân hàng Nam Á lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - d. Hai năm liên tục bị xếp loại yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - e. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời hạn một năm liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 04% (bốn phần trăm) trong thời hạn 06 tháng liên tục.
3. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, Ngân hàng Nam Á có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc NHNN cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Ngân hàng Nam Á.

Điều 86. Phá sản Ngân hàng

Việc phá sản Ngân hàng Nam Á (nếu có) thực hiện theo quy định tại Điều 155 của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật về phá sản.

Điều 87. Giải thể Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng Nam Á bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động Ngân hàng Nam Á theo quy định của pháp luật và được NHNN chấp thuận;
2. Khi hết hạn hoạt động Ngân hàng Nam Á không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận;
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nam Á .
4. *Việc giải thể Ngân hàng Nam Á trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.*

Điều 88. Gia hạn hoạt động

1. *Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Ngân hàng Nam Á theo đề nghị của Hội đồng quản trị.*
2. *Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.*

Điều 89. Thanh lý Ngân hàng Nam Á

1. Trường hợp Ngân hàng Nam Á bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Ngân hàng Nam Á được thực hiện theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.
2. Khi giải thể theo Điều 87 của Điều lệ này, Ngân hàng Nam Á tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN.
3. *Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Ngân hàng Nam Á hoặc sau khi có một quyết định giải thể Ngân hàng Nam Á, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Ngân hàng Nam Á hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Ngân hàng Nam Á ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng Nam Á.*
4. *Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Ngân hàng Nam Á trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng Nam Á trước Tòa án và các cơ quan hành chính.*
5. *Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:*
 - a. *Các chi phí thanh lý;*
 - b. *Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;*

c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Ngân hàng Nam Á;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm e khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Mục XXIII. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Điều 90. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào có một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng Nam Á hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:

a. Một cổ đông hay các cổ đông và Ngân hàng Nam Á; hoặc

b. Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều Hành.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 06 tuần kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của người chủ trì hòa giải không được các bên chấp nhận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào thì bên đó phải chịu.

Mục XXIV. Thông tin và bảo mật

Điều 91. Thông tin định kỳ

1. Ngân hàng Nam Á thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Ngân hàng Nam Á.

2. Ngân hàng Nam Á được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng.

3. Ngân hàng Nam Á có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Ngân hàng Nam Á.

Điều 92. Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của Ngân hàng Nam Á và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Ngân hàng Nam Á mà mình biết.

2. Ngân hàng Nam Á được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng Nam Á, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Mục XXV. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Điều 93. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Nam Á chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng Nam Á.

Mục XXVI. Ngày hiệu lực

Điều 94. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được NHNN xác nhận đăng ký Điều lệ.

2. Bản điều lệ này gồm 26 mục 94 điều được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Nam Á lần thứ 23 nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2015 tại và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

3. Điều lệ được lập thành tám (08) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp Ngân hàng Nhà nước;

b. Ba (03) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á;

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng Nam Á.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng Nam Á có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á
CHỦ TỊCH**